THÔNG TIN TÓM TẮT
VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN AN BÌNH

(Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0301412222 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 17/05/1993, đăng ký thay đổi lần thứ 25 ngày 22/07/2019)

Địa chỉ: Tầng 1, 2, 3 Tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Điện thoại: +84 (24) 3761 2888 Fax: +84 (24) 3519 0416

Website: www.abbank.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Họ và tên: Nguyễn Thị Hương Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Số điện thoại: +84 (24) 3761 2888

Hà Nội, 18 tháng 12 năm 2020

MỤC LỤC

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH 5

1 Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển 5

2 Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của ABBANK 26

3 Danh sách cổ đông 39

4 Danh sách những công ty mẹ và công ty con của ABBANK, những công ty mà ABBANK đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với ABBANK 41

4.1 Công ty mẹ 41

4.2 Danh sách công ty con 41

4.3 Danh sách những công ty mà ABBANK đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối 42

4.4 Danh sách những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với ABBANK . 42

5 Hoạt động kinh doanh 42

5.1 Sản phẩm và dịch vụ 43

5.2 Huy động vốn 43

5.3 Hoạt động tín dụng 45

5.4 Hoạt động kinh doanh ngoại tệ và thanh toán 51

5.5 Hoạt động ngân hàng đại lý 53

5.6 Hoạt động đầu tư và kinh doanh chứng khoán 54

5.7 Hoạt động đầu tư góp vốn dài hạn 56

5.8 Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác 57

6 Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 57

6.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh của Ngân hàng TMCP An Bình 57

7 Vị thế của ABBANK 66

8 Chính sách đối với người lao động 71

9 Chính sách cổ tức 74

10 Tình hình tài chính 74

11 Tài sản 78

12 Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo 83

13 Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Ngân hàng 85

14 Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh 85

15 Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Ngân hàng 86

II. QUẢN TRỊ CÔNG TY 86
1 Hội đồng Quản trị 86
2 Ban Kiểm soát 98
3 Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng 102
4 Kế hoạch tăng cường quản trị Ngân hàng 113
III. PHỤ LỤC 113

CÁC KHÁI NIỆM

ABBANK, Ngân hàng	Ngân hàng TMCP An Bình
BCTC	Báo cáo tài chính
BKS	Ban Kiểm soát của Ngân hàng
CBNV	Cán bộ nhân viên
CP	Cổ phần
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng
Điều lệ	Điều lệ của Ngân hàng ngày 12 tháng 6 năm 2020
HĐQT	Hội đồng Quản trị của Ngân hàng
HNX	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
KHCN	Khách hàng cá nhân
KHDN	Khách hàng doanh nghiệp
Luật Chứng Khoán	Luật Chứng Khoán số 70/2006/QH11 ngày 26 tháng 6 năm 2006 như được sửa đổi bổ sung bởi Luật Sửa Đổi Luật Chứng Khoán số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 của Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
Luật Doanh Nghiệp	Luật Doanh Nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
NHNN	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
NHTMCP	Ngân hàng Thương mại Cổ phần
SME	Doanh nghiệp vừa và nhỏ
TCTD	Tổ chức tín dụng
TPHCM	Thành phố Hồ Chí Minh
UBND	Ủy ban Nhân dân
UPCoM	Thị trường Giao dịch Chứng khoán của các Công ty đại chúng chưa niêm yết
Vốn Điều lệ	Vốn điều lệ của Ngân hàng

NỘI DUNG BẢN THÔNG TIN TÓM TẮT

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1 Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1 Giới thiệu chung

- Tên Công ty: **NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN AN BÌNH**
- Tên Tiếng Anh: **AN BINH JOINT STOCK COMMERCIAL BANK**
- Tên viết tắt: ABBANK
- Trụ sở: Tầng 1, 2, 3 Tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
- Điện thoại: +84 (24) 3761 2888
- Fax: +84 (24) 3519 0416
- Website: www.ABBANK.vn
- Giấy chứng nhận ĐKKD: Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0301412222 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 17/05/1993, đăng ký thay đổi lần thứ 25 ngày 22/07/2019
- Giấy phép thành lập và hoạt động: Giấy phép thành lập công ty số 535/GP-UB do Ủy ban Nhân dân TP Hồ Chí Minh cấp ngày 13/05/1993

  Giấy phép hoạt động ngân hàng số 0031/NH-GP ngày 15/4/1993, được cấp đổi theo Giấy phép số 120/GP-NHNN ngày 12/12/2018, (được cập nhật, sửa đổi nội dung vốn điều lệ theo Quyết định số 2137/QĐ-NHNN ngày 16/10/2019 và sửa đổi nội dung địa chỉ trụ sở chính theo Quyết định số 2575/QĐ-NHNN ngày 13/12/2019 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)
- Vốn điều lệ đăng ký: 5.713.113.550.000 đồng (năm ngàn bảy trăm mười ba tỉ một trăm mười ba triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng)
- Vốn điều lệ thực góp: 5.713.113.550.000 đồng (năm ngàn bảy trăm mười ba tỉ một trăm mười ba triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng)
- Logo:

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Mạnh Kháng - Chức danh: Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- Ngành nghề kinh doanh:

Căn cứ Giấy phép thành lập và hoạt động số 120/GP-NHNN ngày 12/12/2018 và Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0301412222 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 17/05/1993, đăng ký thay đổi lần 25 ngày 22/07/2019, ngành nghề kinh doanh của ABBANK như sau:

Bảng 1: Danh sách ngành nghề kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội): a. Cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước: a) Cung ứng phương tiện thanh toán; b) Thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ; b. Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn; c. Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư; d. Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của NHNN;	6499
2.	Hoạt động trung gian tiền tệ khác: a. Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác; b. Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây: a) Cho vay; b) Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác; c) Bảo lãnh ngân hàng; d) Phát hành thẻ tín dụng; đ) Bao thanh toán trong nước;	6419 (Chính)

	c. Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng; d. Mở tài khoản: a) Mở tài khoản tại NHNN; b) Mở tài khoản tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác; e. Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia; f. Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu NHNN và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ; g. Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp; h. Dịch vụ môi giới tiền tệ; i. Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật Các Tổ Chức Tín Dụng, Luật Chứng Khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của NHNN; j. Vay vốn của NHNN dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và hướng dẫn của NHNN; k. Vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của NHNN; l. Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của NHNN; m. Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do NHNN quy định; n. Lưu ký chứng khoán; o. Ví điện tử; p. Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ; q. Mua nợ.	

1.2 Quá trình hình thành và phát triển

1.2.1 Quá trình hình thành và phát triển

- **Ngày 15/04/1993**, ABBANK được Ngân hàng nhà nước cấp Giấy phép hoạt động ngân hàng số 0031/NH-GP, được cấp đổi theo Giấy phép số 120/GP-NHNN ngày 12/12/2018 (được cập nhật, sửa đổi nội dung vốn điều lệ theo Quyết định số 2137/QĐ-NHNN ngày 16/10/2019 và sửa đổi nội dung địa chỉ trụ sở chính theo Quyết định số 2575/QĐ-NHNN ngày 13/12/2019 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)
- **Ngày 13/05/1993,** Ngân hàng TMCP An Bình được thành lập dưới hình thức ngân hàng thương mại cổ phần theo Giấy phép thành lập công ty số 535/GP-UB do Ủy ban Nhân dân TP Hồ Chí Minh cấp (với tên gọi ban đầu là Ngân hàng TMCP Nông thôn An Bình) với vốn điều lệ là 1 tỷ đồng;
- **Ngày 04/10/2007**, ABBANK được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) chấp thuận hồ sơ đăng ký Công ty đại chúng theo Công văn số 758/UBCK-QLPH của UBCKNN;
- **Năm 2004**: Từ một ngân hàng TMCP nông thôn, ABBANK được nâng cấp thành ngân hàng quy mô đô thị. ABBANK đã nâng vốn điều lệ lên 70,04 tỷ đồng;
- **Năm 2005**: Với sự gia nhập của Cổ đông chiến lược trong nước bao gồm Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EVN") và cổ đông lớn Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội (nay là "Tập đoàn Geleximco – Công ty Cổ phần"). Vốn điều lệ của ABBANK đạt 165 tỷ đồng;
- **Năm 2008**: Ngân hàng Malayan Banking Berhad ("Maybank") chính thức trở thành Cổ đông chiến lược nước ngoài của ABBANK với tỷ lệ sở hữu cổ phần 15%. ABBANK tăng vốn điều lệ lên 2.705 tỷ đồng;
- **Năm 2009**: Maybank nâng tỷ lệ sở hữu cổ phần tại ABBANK từ 15% lên 20%;
- **Năm 2010**: ABBANK phát hành thành công trái phiếu chuyển đổi với tổng mệnh giá 600 tỷ đồng cho Tổ chức Tài chính Quốc tế ("IFC") và Maybank;
- **Năm 2013**: IFC chính thức trở thành cổ đông lớn, sở hữu 10% vốn điều lệ của ABBANK. Maybank duy trì tỷ lệ sở hữu 20%, tiếp tục giữ vai trò Cổ đông chiến lược của ABBANK;
- **Ngày 17/12/2020**, ABBANK được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Chứng khoán số 78/2020/GCNCP-VSD, với tổng số lượng cổ phiếu đăng ký là 571.311.355 cổ phiếu.

1.2.2 Những thành tựu đã đạt được

- **Năm 2008**: Triển khai thành công phần mềm ngân hàng lõi (Core Banking), đưa vào hoạt động trên toàn hệ thống;
- **Năm 2012**: Mạng lưới ABBANK đạt hơn 140 điểm giao dịch tại 29 tỉnh/ thành trên toàn quốc;
- **Năm 2014**: ABBANK công bố Tầm nhìn, Sứ mệnh, Mục tiêu và các Sáng kiến chiến lược giai đoạn 2014 – 2018. Tháng 12 năm 2014, ABBANK là một trong 4 Ngân hàng đầu tiên của Việt Nam triển khai dịch vụ Chuyển khoản liên quốc gia;
- **Năm 2015**: Tháng 10/2015, ABBANK lần đầu được Moody's xếp hạng tín nhiệm trong nhóm tín nhiệm cao nhất hệ thống Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam, tính trên 03 chỉ số quan trọng: Sức mạnh tài chính cơ sở (B3), tín nhiệm tiền gửi nội tệ và ngoại tệ (B2), tín nhiệm tổ chức phát hành nội tệ và ngoại tệ (B2). Đồng thời triển vọng cho ABBANK được Moody's đánh giá là ổn định. ABBANK là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam triển khai dịch vụ thanh toán tiền điện trên hệ thống ATM/ POS của ABBANK dành cho chủ sở hữu thẻ mang thương hiệu VISA;
- **Năm 2016**: Tháng 05/2016, ABBANK nhận giải thưởng Ngân hàng phát triển bán lẻ tốt nhất Việt Nam năm 2016 do Global Banking And Finance Review bình chọn. Moody's nâng xếp hạng tín nhiệm cho ABBANK, ABBANK tiếp tục nằm trong nhóm Ngân hàng thương mại cổ phần có xếp hạng tín nhiệm cao nhất. Mạng lưới mở rộng từ 146 điểm giao dịch tăng lên 159 điểm giao dịch trên 33 tỉnh/ thành;
- **Năm 2017**: Mạng lưới ABBANK đạt 165 điểm giao dịch trên 34 tỉnh/ thành phố. Moody's nâng mức triển vọng đánh giá đối với ABBANK, tiếp tục nằm trong Top 5 NHTMCP tư nhân xếp hạng tín nhiệm cao nhất tại Việt Nam. ABBANK nhận giải thưởng Ngân hàng có sản phẩm dành cho khách hàng SME tốt nhất Việt Nam năm 2017 do tạp chí Anh Quốc International Finance trao tặng, năm thứ 2 liên tiếp nhận giải thưởng Ngân hàng phát triển bán lẻ tốt nhất Việt Nam năm 2017 do Global Banking and Finance Review bình chọn;
- **Năm 2018**: Ngày 13/5/2018, ABBANK tròn 25 năm thành lập. Giữa tháng 8/2018, ABBANK được hãng xếp hạng tín nhiệm Moody's nâng xếp hạng đối tác với Tiền gửi ngoại tệ từ B2 lên B1 và đánh giá Triển vọng cho tiền gửi nội tệ và phát hành tiền tệ nội địa và ngoại tệ từ Tích cực (B2) sang Ổn định (B1). ABBANK nhận Giải thưởng Ngân hàng

Phát triển bán lẻ tốt nhất Việt Nam 2018 (năm thứ ba liên tiếp) và Ngân hàng có Dịch vụ Chăm sóc khách hàng tốt nhất Việt Nam 2018 do Global Banking and Finance Review bình chọn;

- **Năm 2019**: Tháng 5/2019, ABBANK là 1 trong 7 Ngân hàng đầu tiên chuyển đổi thành công thẻ Từ nội địa sang thẻ Chip nội địa theo tiêu chuẩn VCCS của NHNN. Tháng 12/2019, ABBANK chính thức đưa vào vận hành Hệ thống tính toán tài sản có rủi ro (RWA) theo thông tư 41/2016/TT-NHNN, đánh dấu bước đi mang tính chiến lược giúp ABBANK nâng cao hiệu quả lợi nhuận và năng lực quản trị rủi ro của Ngân hàng, đồng thời tạo nền tảng quan trọng cho toàn bộ quá trình phát triển hoạt động kinh doanh và thúc đẩy lộ trình triển khai Basel II của ABBANK. Năm thứ 10 liên tiếp Tết An Bình được tổ chức, để lại dấu ấn tốt trong cộng đồng.

1.3 Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch

- Tên chứng khoán: **Cổ phiếu Ngân hàng TMCP An Bình**
- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phiếu
- Mã chứng khoán: **ABB**
- Tổng số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch: 571.311.355 cổ phiếu
- Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức đăng ký giao dịch: **345.169.745** cổ phần, trong đó:

- Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định tại khoản 1 điều 56 Luật các tổ chức tín dụng 2010: "Cổ đông là cá nhân, cổ đông là tổ chức có người đại diện là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Ngân hàng ABBANK không được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ": **195.294.802** cổ phần (tương ứng 34,2% tổng số cổ phần đang lưu hành).
- Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo các thỏa thuận cầm cố cổ phiếu của cổ đông với các bên liên quan khác: **149.874.943** cổ phần (tương ứng 26,2% tổng số cổ phần đang lưu hành). Thời gian hạn chế chuyển nhượng là tùy thuộc vào từng hợp đồng cam kết đối với từng trường hợp cổ đông cầm cố.

- Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:

- Giới hạn nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài tuân thủ theo quy định tại: (i) Nghị định 01/2014/NĐ-CP ngày 3/1/2014 của Chính phủ về việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam; (ii) Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 của

Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán, (iii) Thông tư 123/2015/TT-BTC ngày 19/8/2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam, và (iv) Điều lệ tổ chức và hoạt động Ngân hàng. Theo đó, giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài như sau:

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của một cá nhân nước ngoài không được vượt quá 5% vốn điều lệ
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của một tổ chức nước ngoài không được vượt quá 15% vốn điều lệ, trừ trường hợp nhà đầu tư chiến lược nước ngoài
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của một nhà đầu tư chiến lược nước ngoài không được vượt quá 20% vốn điều lệ
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của một nhà đầu tư nước ngoài và người có liên quan của nhà đầu tư nước ngoài đó không được vượt quá 20% vốn điều lệ
- Tổng mức sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài không được vượt quá 30% vốn điều lệ

- Tại thời điểm ngày 30/10/2020, số lượng và tỷ lệ nắm giữ cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty là **171.420.496** cổ phần – tương ứng 30,0% tổng số cổ phần đang lưu hành.

1.4 Quá trình tăng vốn điều lệ

Vốn điều lệ đăng ký lần đầu của ABBANK tại ngày 15/04/1993 là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng). Đến nay, vốn điều lệ ABBANK là 5.713.113.550.000 đồng (năm ngàn bảy trăm mười ba tỉ một trăm mười ba triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng). Quá trình tăng vốn điều lệ của ABBANK như sau:

Bảng 2: Quá trình tăng vốn của Ngân hàng TMCP An Bình

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Vốn điều lệ tăng thêm	Vốn điều lệ sau phát hành	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
Thành lập	1993	-	1.000.000	Cổ đông sáng lập và cổ đông thường góp vốn thành lập ABBANK	- Giấy phép thành lập số 535/GP-UB do UBND TP. HCM cấp ngày 17/05/1993; - Giấy CNĐKKD số 059066 do Trọng tài Kinh tế TP. HCM cấp ngày 17/5/1993; - Giấy phép hoạt động số 0031/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 15/4/1993.
Lần 1*	3/1998	200.000	1.200.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	Quyết định số 102/1998/QĐ-NHNN5 do NHNN Việt Nam cấp ngày 21/03/1998
Lần 2*	10/2001	3.800.000	5.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	- Công văn số 986/NHTP.2001 do NHNN Việt Nam – CN Tp HCM cấp ngày 12/10/2001; - Giấy CNĐKDN số 059066, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 17/5/2002.
Lần 3	06/2003	21.804.000	26.804.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu và cổ	- Biên bản họp ĐHĐCĐ Ngân hàng TMCP Nông thôn An Bình ngày 21/02/2002;

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Vốn điều lệ tăng thêm	Vốn điều lệ sau phát hành	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
				đông mới	- Công văn số 494/NHTP.2003 do NHNN Việt Nam – CN Tp HCM cấp ngày 05/5/2003; - Giấy CNĐKDN số 059066, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 02/6/2003.
Lần 4	12/2003	9.300.000	36.104.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu và cổ đông mới	- Biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên ngày 20/6/2003; - Nghị quyết ĐHĐCĐ Ngân hàng TMCP Nông thôn An bình số 227/NHAB-03 ngày 20/6/2003; - Phương án hoạt động năm 2003 kèm theo Nghị quyết và Biên bản ĐHĐCĐ ngày 20/6/2003; - Công văn số 1338/NHNN-HCM02 do NHNN Việt Nam – CN Tp HCM cấp ngày 26/12/2003; - Giấy CNĐKDN số 059066, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 31/12/2003.
Lần 5	8/2004	33.940.000	70.044.000	Phát hành cho cổ	- Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ Ngân hàng

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Vốn điều lệ tăng thêm	Vốn điều lệ sau phát hành	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
				đông hiện hữu và cổ đông mới	TMCP Nông thôn An Bình ngày 09/3/2004 và Phương án hoạt động năm 2004 đính kèm; - Công văn số 967/NHNN-HCM02 do NHNN Việt Nam – CN Tp HCM cấp ngày 22/06/2004; - Giấy CNĐKDN số 059066, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 05/8/2004.
Lần 6	7/2005	94.956.000	165.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu và cổ đông mới	- Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ Ngân hàng TMCP Nông thôn An Bình ngày 05/4/2005 và Phương án hoạt động kinh doanh năm 2005 đính kèm; - Công văn số 1513/NHNN-HCM.02 do NHNN Việt Nam – CN Tp HCM cấp ngày 13/07/2005; - Giấy CNĐKDN số 059066, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 25/7/2005.
Lần 7	6/2006	335.000.000	500.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu và cổ	- Quyết định và Biên bản họp ĐHĐCĐ Ngân hàng TMCP An Bình ngày 17/02/2006;

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Vốn điều lệ tăng thêm	Vốn điều lệ sau phát hành	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
				đông mới, CP thưởng cho cổ đông hiện hữu	- Công văn số 677/NHNN-HCM.02 do NHNN Việt Nam – CN Tp HCM cấp ngày 02/06/2006; - Giấy CNĐKDN số 059066, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 20/6/2006.
Lần 8	10/2006	490.000.000	990.000.000	Phát hành chào bán CP cho cổ đông hiện hữu và cho CBNV, thưởng cho cổ đông hiện hữu	- Nghị quyết và Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản Ngân hàng TMCP An Bình ngày 20/7/2006 về Tăng vốn điều lệ và phương án tăng vốn điều lệ; - Công văn số 1254/NHNN-HCM.02 do NHNN Việt Nam – CN Tp HCM cấp ngày 15/09/2006; - Giấy CNĐKDN số 059066, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 05/10/2006.
Lần 9	11/2006	141.950.500	1.131.950.500	Thưởng cho cổ đông hiện hữu	- Quyết định của ĐHĐCĐ và Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản ngày 30/9/2006; - Công văn số 1517/NHNN-HCM.02 do NHNN Việt

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Vốn điều lệ tăng thêm	Vốn điều lệ sau phát hành	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
					Nam – CN Tp HCM cấp ngày 06/11/2006; - Giấy CNĐKDN số 059066, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 15/11/2006.
Lần 10	10/2007	1.168.049.500	2.300.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu và CBNV, CP trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu, phát hành cho CĐ chiến lược	- Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ Ngân hàng TMCP An Bình ngày 02/02/2007 và Kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2007 đính kèm; - Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 02/6/2007 và Phương án tăng vốn điều lệ 2007 bổ sung đính kèm; - Công văn số 863/NHNN-HCM02 do NHNN Việt Nam – CN Tp HCM cấp ngày 13/06/2007; - Quyết định số 133b/QĐ-HĐQT ngày 14/6/2007 về việc tăng vốn điều lệ năm 2007 và Phương án tăng vốn điều lệ đính kèm; - Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu ra công chúng gửi UBCK số 79/BC-

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Vốn điều lệ tăng thêm	Vốn điều lệ sau phát hành	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
					NHAB.07 ngày 31/10/2007 của HĐQT; - Giấy CNĐKDN số 059066, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 24/10/2007.
Lần 11	9/2008	405.882.350	2.705.882.350	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho Maybank	- Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ ngày 31/3/2008 và Kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2008 đính kèm; - Công văn số 875/NHNN-HCM.02 do NHNN Việt Nam – CN Tp HCM cấp ngày 02/06/2008; - Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu gửi UBCK theo thông báo số 122/TB-HĐQT.08 ngày 30/9/2008 của HĐQT; - Giấy CNĐKDN số 059066, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 02/10/2008.
Lần 12	8/2009	144.256.130	2.850.138.480	Phát hành riêng lẻ cho	- Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ ngày 26/3/2009 và Kế hoạch

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Vốn điều lệ tăng thêm	Vốn điều lệ sau phát hành	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
				Maybank và CP thưởng cho cổ đông hiện hữu	hoạt động kinh doanh 2019 đính kèm; Phương án tăng vốn điều lệ năm 2019; - Công văn số 1553/NHNN-HCM.02 do NHNN Việt Nam – CN Tp HCM cấp ngày 22/7/2009; - Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo công văn số 80/CV-HĐQT.09 ngày 15/9/2009 của HĐQT; - Tin bài đăng trên trang website của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 25/8/2009 thông báo UBCKNN nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu của ABBANK. - Giấy CNĐKDN số 0301412222, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 01/09/2009.
Lần 13	12/2009	632.374.480	3.482.512.960	Phát hành riêng lẻ, CP thưởng	- Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ ngày 26/3/2009, Kế hoạch hoạt động kinh doanh 2019 và

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Vốn điều lệ tăng thêm	Vốn điều lệ sau phát hành	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
				cho cổ đông hiện hữu	Phương án tăng vốn điều lệ đính kèm; - Công văn số 8611/VPCP-KHTH của Văn phòng Chính phủ ngày 02/12/2009; - Công văn số 9598/NHNN-TTGSNH và công văn số 9699/NHNN-TTGSNH của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 08/12/2009; - Công văn số 2657/NHNN-HCM02 và công văn số 2658/NHNN-HCM02 của NHNN Việt Nam - CN TP. Hồ Chí Minh ngày 10/12/2009; - Tin bài đăng trên trang website của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 11/12/2009 và ngày 21/12/2009 thông báo UBCKNN nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu của ABBANK; - Công văn số 2864/UBCK-QLPH của UBCKNN

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Vốn điều lệ tăng thêm	Vốn điều lệ sau phát hành	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
					ngày 11/12/2009; - Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo công văn 99/CV-HĐQT.09 ngày 17/12/2009; - Giấy CNĐKDN số 0301412222, đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 15/12/2009.
Lần 14	01/2011	348.251.300	3.830.764.260	CP thưởng cho cổ đông hiện hữu	- Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ ngày 24/3/2010, Kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2010 và Phương án tăng vốn điều lệ đính kèm; - Công văn số 8731/NHNN-TTGSNH ngày 10/11/2010 của NHNN Việt Nam; - Công văn số 3930/UBCK-QLPH ngày 29/11/2010 và công văn số 3982/UBCK-QLPH ngày 02/12/2010 của UBCKNN; - Quyết định số 235/QĐ-HĐQT.10 ngày 02/12/2010 của HĐQT ABBANK về phương án

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Vốn điều lệ tăng thêm	Vốn điều lệ sau phát hành	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
					xử lý cổ phiếu lẻ; - Tin bài đăng trên trang website của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 06/12/2010 và thông báo UBCKNN nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu của ABBANK; - Quyết định Tăng vốn điều lệ số 245/QĐ-HĐQT.10 ngày 16/12/2010 của HĐQT; - Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo công văn số 04/CV-HĐQT.11 ngày 06/01/2011 của HĐQT; - Giấy CNĐKDN số 0301412222, đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 05/01/2011.
Lần 15	11/2011	369.235.500	4.199.999.760	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	- Nghị quyết, Biên bản họp ĐHĐCĐ ngày 27/5/2011 và Báo cáo của HĐQT về hoạt động 2010 và định hướng hoạt động 2011 và Phương án tăng vốn điều lệ đính kèm;

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Vốn điều lệ tăng thêm	Vốn điều lệ sau phát hành	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
					- Công văn số 7498/NHNN-TTGSNH ngày 26/9/2011 của NHNN Việt Nam; - Công văn số 3732/UBCK-QLPH ngày 9/11/2011 của UBCKNN; - Quyết định số 180/QĐ-HĐQT.11 ngày 17/11/2011 của HĐQT; - Báo cáo hoàn tất tăng vốn điều lệ theo công văn số 07/TB-HĐQT.11 ngày 20/12/2011 của HĐQT; - Giấy CNĐKDN số 0301412222, đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 13/12/2011.
Lần 16	4/2013	598.000.000	4.797.999.760	Trái phiếu chuyển đổi của Maybank và IFC	- Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ ngày 28/5/2012 và Phương án Tăng vốn điều lệ đính kèm; - Nghị quyết HĐQT số 19/NQ-HĐQT.12 ngày 29/10/2012 về việc điều chỉnh Phương án tăng vốn điều lệ 2012 và Phương án tăng vốn điều lệ đính kèm;

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Vốn điều lệ tăng thêm	Vốn điều lệ sau phát hành	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
					- Công văn số 2567/NHNN-TTGSNH ngày 12/04/2013 của NHNN Việt Nam; - Công văn số 1468/UBCK-QLPH ngày 16/4/2013 của UBCKNN; - Quyết định số 37/QĐ-HĐQT.13 ngày 15/4/2013 về việc Chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi phát hành năm 2010 thành cổ phiếu; và Quyết định số 40/QĐ-HĐQT.13 ngày 18/4/2013 về Thực hiện tăng vốn điều lệ từ việc chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi; - Báo cáo hoàn tất tăng vốn điều lệ tại công văn số 17/CV-HĐQT.13 ngày 22/4/2013; - Giấy CNĐKDN số 0301412222, đăng ký thay đổi lần thứ 21 ngày 26/4/2013. - Quyết định số 1788/QĐ-NHNN ngày 19/8/2013 về việc sửa đội nội dung Giấy

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Vốn điều lệ tăng thêm	Vốn điều lệ sau phát hành	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
					phép hoạt động của Ngân hàng TMCP An Bình với mức vốn điều lệ là: 4.797.999.760.000 đồng.
Lần 17	9/2016	521.496.530	5.319.496.290	CP thưởng cho cổ đông hiện hữu	- Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ ngày 27/4/2015 và Phương án tăng vốn điều lệ đính kèm; - Công văn số 5017/NHNN-TTGSNH ngày 05/07/2016; - Công văn số 6756/UBCK-QLCB ngày 07/10/2016 của UBCKNN; - Báo cáo hoàn tất tăng vốn điều lệ theo công văn số 10-1/TB-HĐQT.16 ngày 09/9/2016 của HĐQT; - Giấy CNĐKDN số 0301412222, đăng ký thay đổi lần thứ 23 ngày 04/10/2016. - Quyết định số 621/QĐ-NHNN ngày 30/3/2017 về việc sửa đổi nội dung Giấy phép hoạt động của Ngân hàng TMCP An Bình với mức vốn điều lệ là:

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Vốn điều lệ tăng thêm	Vốn điều lệ sau phát hành	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
					5.319.496.290.000 đồng
Lần 18	07/2019	393.617.260	5.713.113.550	Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho CĐ hiện hữu	- Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ ngày 25/4/2018 và Tờ trình tăng vốn điều lệ 2018 đính kèm; - Nghị quyết ĐHĐCĐ và Biên bản tổng hợp kết quả lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ để chia cổ tức ngày 30/11/2018 và Phương án tăng vốn kèm theo; - Nghị quyết số 06/NQ-HĐQT.19 ngày 03/4/2019 của HĐQT về Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ để chia cổ tức cho cổ đông; - Công văn số 2717/NHNN-TTGSNH ngày 16/04/2019 của NHNN Việt Nam; - Công văn số 3709/UBCK-QLCB ngày 18/6/2019 của UBCKNN; - Báo cáo kết quả phát hành

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Vốn điều lệ tăng thêm	Vốn điều lệ sau phát hành	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
					cổ phiếu để trả cổ tức theo công văn số 21/CV-HĐQ.19 ngày 10/7/2019; - Giấy CNĐKDN số 0301412222, đăng ký thay đổi lần thứ 25 ngày 22/7/2019. - Quyết định số 2137/QĐ-NHNN ngày 16/10/2019 về việc sửa đổi nội dung Giấy phép hoạt động của Ngân hàng TMCP An Bình với mức vốn điều lệ là: 5.713.113.550.000 đồng

Ghi chú:
** Đợt tăng vốn lần 1 và lần 2 được thực hiện từ năm 1998 và 2001, Ngân hàng có thời gian hoạt động khá lâu và trải qua nhiều giai đoạn thayđổi về tổ chức, nhân sự và địa điểm trụ Sở, do vậy hồ sơ lưu trữ của Ngân hàng cho đến thời điểm hiện nay không còn những tài liệu đầy đủ (như Nghị quyết, biên bản họp thông qua việc tăng vốn, chấp thuận của NHNN thông qua, báo cáo kết quả phát hành, v.v)*

2 Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của ABBANK

Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Ngân hàng được trình bày trong sơ đồ dưới đây:

Hình 1: Sơ đồ tổ chức của ABBANK

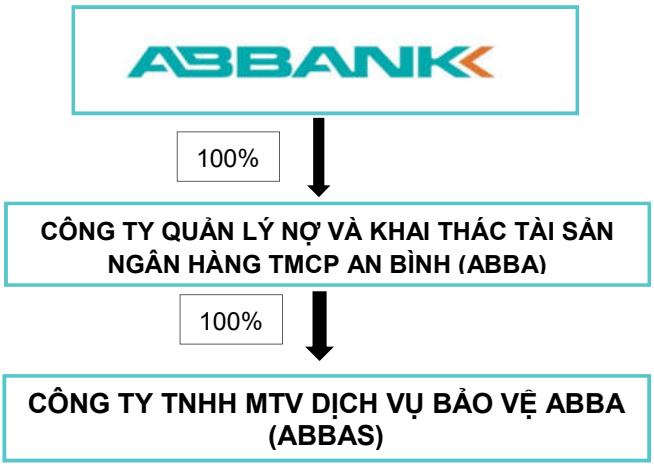

Hình 2: **Sơ đồ quản lý của ABBANK**

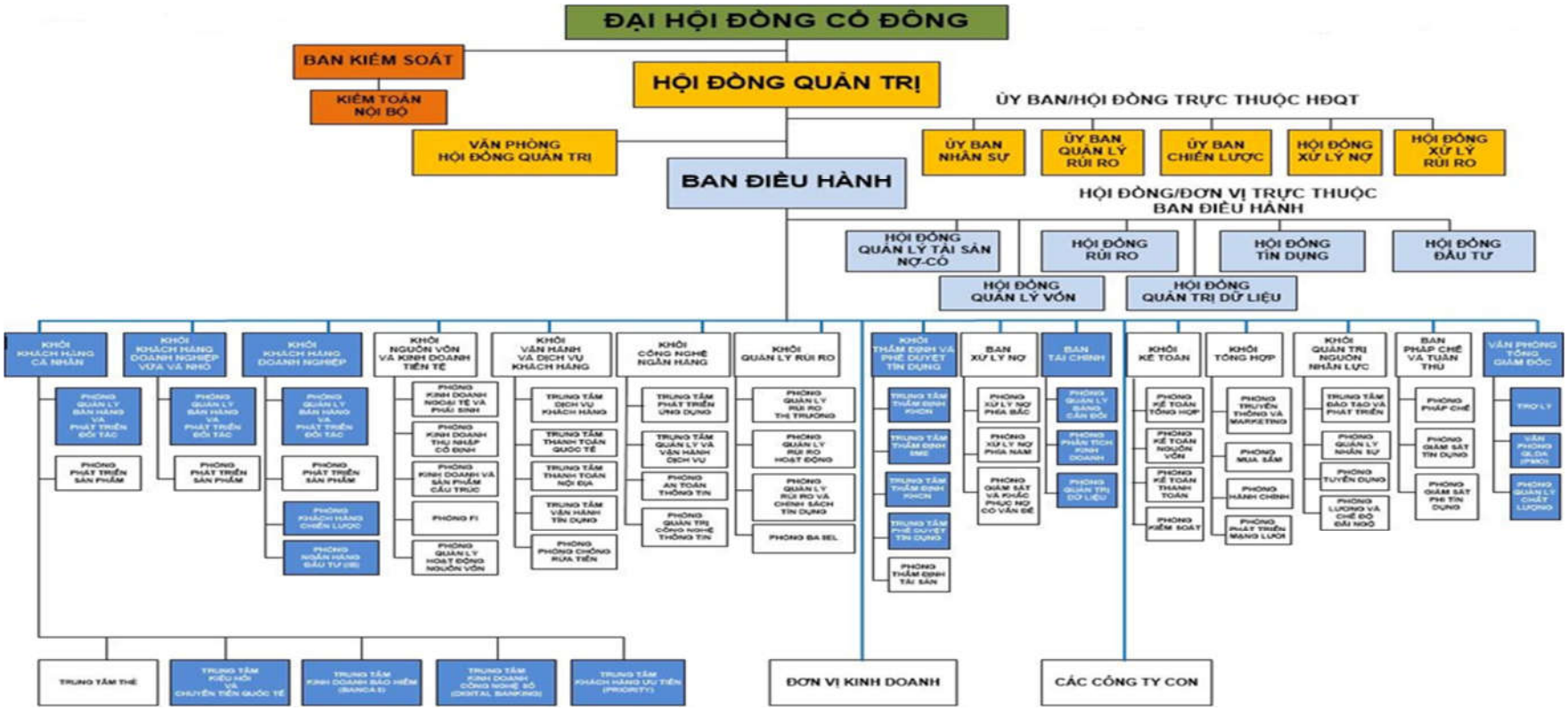

Tổ chức và hoạt động của Ngân hàng được dựa trên những văn bản pháp lý sau đây:

- Luật Doanh nghiệp;
- Luật các Tổ chức Tín dụng;
- Luật Chứng khoán;
- Điều Lệ của Ngân hàng; và
- Những văn bản pháp lý khác liên quan đến hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

2.2 Đại hội đồng Cổ đông

ĐHĐCĐ gồm tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của ABBANK. ĐHĐCĐ có các nhiệm vụ, quyền hạn quan trọng như: thông qua định hướng phát triển Ngân hàng; Thông qua Điều lệ của Ngân hàng; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, Ban kiểm soát; Thông qua báo cáo tài chính hàng năm; Phương án phân phối lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác; Quyết định đầu tư, mua, bán tài sản có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ; Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sát nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc phá sản;...

ĐHĐCĐ thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ ABBANK.

Quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua tại cuộc họp khi được số cổ đông đại diện trên 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông chấp thuận, trừ các trường hợp cần tỉ lệ 65% khi thông qua các quyết định như: Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; Thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán; Sửa đổi Điều lệ; Đầu tư, mua, bán tài sản có giá trị từ 20% vốn điều lệ; Tổ chức lại, chấm dứt hoạt động Ngân hàng; Thay đổi ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh; Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Ngân hàng. Quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông và được thông qua khi có số cổ đông đại diện ít nhất 71% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông chấp thuận.

Thông tin chi tiết:

- ĐHĐCĐ họp thường niên trong thời hạn 4 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

- Các Cổ đông được quyền tham dự ĐHĐCĐ theo quy định hiện hành của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Ngân hàng.
- Thông báo triệu tập/xin ý kiến cổ đông bằng văn bản được chuyển đến cổ đông có quyền dự họp qua thư tín, trên website và báo chí toàn quốc theo đúng quy định về thủ tục tổ chức Đại hội.
- Chương trình nghị sự, tài liệu cuộc họp của ĐHĐCĐ và kết quả biểu quyết, biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ được công bố trên website của Ngân hàng tại địa chỉ: www.abbank.vn. Ngoài ra, các tài liệu liên quan của Đại hội còn được gửi kèm với chương trình Đại hội (hoặc cung cấp cho những người có quyền tham dự ĐHĐCĐ).

2.3 Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị là cơ quan quản trị có toàn quyền nhân danh ABBANK để quyết định, thực hiện các quyền, nghĩa vụ của ABBANK, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ nhằm đạt được những mục tiêu chiến lược của ABBANK, hướng đến thành công lâu dài của ABBANK và mang đến những giá trị bền vững cho khách hàng.

HĐQT ABBANK hiện gồm 7 thành viên, toàn bộ thành viên HĐQT là thành viên không điều hành, có 2 thành viên độc lập.

ABBANK thành lập 5 Hội đồng / Ủy ban giúp việc cho HĐQT, bao gồm:

- Ủy ban Nhân sự ("HRC"): là cơ quan được HĐQT thành lập nhằm mục tiêu giúp HĐQT thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình trong việc quyết định chính sách liên quan đến quản trị nhân sự và cơ cấu nhân sự của Ngân hàng.
- Ủy ban Quản lý rủi ro ("RMC"): là cơ quan được HĐQT thành lập nhằm mục tiêu giúp HĐQT thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình trong việc quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của Ngân hàng.
- Ủy ban Chiến lược ("SC"): là cơ quan được HĐQT thành lập nhằm tham mưu, giúp việc cho HĐQT trong công tác xây dựng, theo dõi và giám sát thực hiện chiến lược phát triển của ABBANK.

- Hội đồng Xử lý rủi ro: là cơ quan được HĐQT thành lập nhằm mục tiêu tham mưu và quyết định trong việc thực hiện chính sách dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định của pháp luật và quy định của ABBANK.
- Hội đồng Xử lý nợ: là cơ quan được HĐQT thành lập với chức năng chính là tham mưu, giúp HĐQT trong công tác xử lý nợ.

2.4 Ban Kiểm soát

BKS do ĐHĐCĐ của ABBANK bầu, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm. Ban kiểm soát là cơ quan giám sát hoạt động Ngân hàng, nhằm đánh giá chính xác hoạt động kinh doanh, thực trạng tài chính của ABBANK.

BKS của ABBANK bao gồm 03 thành viên, trong đó có 02 thành viên chuyên trách và 01 thành viên bán chuyên trách.

ABBANK đã thành lập bộ phận Kiểm toán nội bộ trực thuộc Ban kiểm soát nhằm thực hiện đánh giá độc lập và thường xuyên đưa ra các khuyến nghị để đảm bảo các chính sách, quy định của ABBANK tuân thủ quy định pháp luật; đánh giá độc lập, khách quan đối với hệ thống kiểm soát nội bộ; đánh giá độc lập về tính thích hợp và tuân thủ quy định, chính sách nội bộ, thủ tục, quy trình đã được thiết lập; đưa ra khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy trình, quy định, góp phần bảo đảm hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.

2.5 Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm và được Thống đốc NHNN chấp thuận. Tổng Giám đốc được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm với nhiệm kỳ không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và từ chức của Tổng Giám đốc được thực hiện theo Luật các Tổ chức tín dụng, quy định của NHNN và điều lệ của ABBANK. Tổng Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

- Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Ngân hàng đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày mà không cần phải có quyết định của Hội đồng Quản trị;

- Tổng Giám đốc phải tổ chức xây dựng kế hoạch và trình Hội đồng Quản trị phê duyệt kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trước thời điểm kết thúc năm tài chính hiện tại trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
- Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Ngân hàng;
- Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Ngân hàng phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Ngân hàng theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng Quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Ngân hàng;
- Thực hiện tất cả các quyền hạn và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế của Ngân hàng, các nghị quyết của ĐHĐCĐ, Hội đồng Quản trị/cam kết, trách nhiệm và hợp đồng lao động ký với Ngân hàng.

2.6 Ban điều hành

Giúp Tổng Giám đốc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của ABBANK có các Phó TGĐ và một số Thành viên Ban điều hành. Các Phó TGĐ, Thành viên BĐH thực hiện trách nhiệm trong phạm vi được TGĐ phân công, ủy quyền.

ABBANK thành lập 5 hội đồng/ủy ban giúp việc cho Ban Điều hành, bao gồm:

- Hội đồng Quản lý tài sản Nợ - Có ("ALCO"): Được thành lập để quản lý rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. ALCO chịu trách nhiệm chính về việc phát triển, thực thi và xem xét các quy chế, chiến lược và chính sách liên quan đến việc quản lý bảng cân đối kế toán, quản lý vốn và quản lý rủi ro thanh khoản của Ngân hàng.
- Hội đồng Rủi ro ("ERC"): Được chỉ định đánh giá mức độ rủi ro, kiểm tra tất cả các vấn đề rủi ro, ngoại trừ rủi ro thị trường và rủi ro thanh khoản; Trình lên RMC giải quyết và ra quyết định đối với những vấn đề vượt thẩm quyền của ERC.
- Hội đồng Đầu tư ("IC"): Được thành lập nhằm mục đích xem xét, đánh giá, tham mưu, phê duyệt các khoản đầu tư phù hợp với pháp luật và quy định của Ngân hàng, nâng cao tính chuyên nghiệp và sự cẩn trọng trong quá trình đầu tư; Tăng cường giám sát hiệu quả và chất lượng của các dự án đầu tư; Đảm bảo chế độ kiểm soát quản lý rủi ro trong hoạt động đầu tư.

- Hội đồng Tín dụng ("CC"): Được thành lập nhằm xem xét, phê duyệt tín dụng trong phạm vi thẩm quyền do HĐQT quy định, đảm bảo chất lượng tín dụng trên toàn hệ thống ABBANK an toàn và hiệu quả.
- Hội đồng Quản trị dữ liệu ("DGC"): Được thành lập nhằm mục đích tham mưu chính sách, tổ chức thực hiện và giám sát chặt chẽ hoạt động quản trị dữ liệu trong hệ thống ABBANK.
- Hội đồng Quản lý vốn ("CMC"): Được thành lập nhằm giám sát các hoạt động đánh giá nội bộ về mức độ đủ vốn và hiệu quả sử dụng vốn tại ABBANK theo quy định của NHNN và quy định nội bộ của ABBANK.

2.7 Chức năng, nhiệm vụ của các Khối

Bảng 3: Chức năng nhiệm vụ chính của các Khối

STT	Bộ phận	Chức năng/ Nhiệm vụ chính
1	Khối Khách hàng Cá nhân	Thực hiện nghiên cứu thị trường, đánh giá nhu cầu, lựa chọn khách hàng mục tiêu, xây dựng sản phẩm ngân hàng, định giá sản phẩm, xây dựng kế hoạch truyền thông, lựa chọn kênh bán hàng nhằm phục vụ trọn gói các nhu cầu của khách hàng là các KHCN, SMEs (có doanh thu năm gần nhất đến 200 tỷ đồng) và KHDN (có doanh thu năm gần nhất trên 200 tỷ đồng). Triển khai xây dựng và duy trì các mối quan hệ nhằm bán các sản phẩm ngân hàng và thực hiện các dịch vụ sau bán hàng cho KHCN, SMEs và KHDN mục tiêu trên toàn hệ thống ABBANK và các kênh bán hàng khác nhằm đạt được các mục tiêu chiến lược của ABBANK. *1. Khối khách hàng cá nhân bao gồm:* - *Phòng quản lý bán hàng và phát triển đối tác* - *Phòng phát triển sản phẩm* - *Trung tâm thẻ* - *Trung tâm kiều hối và chuyển tiền quốc tế* - *Trung tâm kinh doanh bảo hiểm*
2	Khối Khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs)	

STT	Bộ phận	Chức năng/ Nhiệm vụ chính
3	Khối Khách hàng doanh nghiệp	- *Trung tâm kinh doanh công nghệ số* - *Trung tâm khách hàng ưu tiên* *2. Khối Khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ bao gồm:* - *Phòng quản lý bán hàng và phát triển đối tác* - *Phòng phát triển sản phẩm* *3.Khối Khách hàng doanh nghiệp bao gồm:* - *Phòng quản lý bán hàng và phát triển đối tác* - *Phòng phát triển sản phẩm* - *Phòng khách hàng chiến lược* - *Phòng ngân hàng đầu tư*
4	Khối Nguồn vốn và Kinh doanh Tiền tệ	Tư vấn và cung cấp các sản phẩm môi giới tiền tệ, các hoạt động liên quan đến sàn giao dịch hàng hóa cho khách hàng để thu phí dịch vụ; Thực hiện các hoạt động tự doanh trên các thị trường bao gồm ngoại hối, lãi suất, hàng hóa, kinh doanh trái phiếu và các sản phẩm phái sinh; Quản lý bảng cân đối của toàn hàng và trạng thái thanh khoản trong phạm vi ALCO cho phép. *Khối Nguồn vốn và Kinh doanh Tiền tệ bao gồm:* - *Phòng kinh doanh ngoại tệ và phái sinh* - *Phòng kinh doanh thu nhập cố định* - *Phòng kinh doanh và sản phẩm cấu trúc* - *Phòng FI* - *Phòng quản lý hoạt động nguồn vốn*

STT	Bộ phận	Chức năng/ Nhiệm vụ chính
5	Khối Vận hành và Dịch vụ Khách hàng	1. Thực hiện chức năng vận hành tín dụng, thanh toán nội địa, thanh toán quốc tế, dịch vụ khách hàng 24/7 (Call Center), quản lý nghiệp vụ kho quỹ, quản lý giao dịch tại quầy, phòng chống rửa tiền. 2. Thiết kế, xây dựng để trình cấp thẩm quyền phê duyệt quản lý các quy trình vận hành thuộc phạm vi nghiệp vụ của Khối, phân bổ nguồn lực phù hợp; tổ chức thực hiện quản lý và giám sát việc thực hiện công tác vận hành Ngân hàng đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng của ABBANK trong việc cung cấp sản phẩm dịch vụ cho khách hàng nội bộ và bên ngoài đảm bảo tối ưu hóa nguồn lực, tối đa hóa hiệu quả; đáp ứng nhu cầu khách hàng nội bộ và khách hàng bên ngoài phù hợp với định hướng chiến lược của ABBANK. *Khối Vận hành và Dịch vụ Khách hàng bao gồm:* *- Trung tâm dịch vụ khách hàng* *- Trung tâm thanh toán quốc tế* *- Trung tâm thanh toán nội địa* *- Trung tâm vận hành tín dụng* *- Phòng phòng chống rửa tiền*
6	Khối Công nghệ Ngân hàng	Phát triển, quản trị, vận hành hệ thống công nghệ ngân hàng đáp ứng yêu cầu hoạt động, kinh doanh theo các mục tiêu chiến lược của ABBANK, đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng của ABBANK và tuân thủ quy định của nhà nước về an toàn bảo mật, cũng như các thông lệ tốt nhất về quản trị, vận hành hiệu quả hệ thống công nghệ thông tin. *Khối Công nghệ Ngân hàng bao gồm:* - *Trung tâm phát triển ứng dụng* - *Trung tâm quản lý và vận hành dịch vụ* - *Phòng an toàn thông tin* - *Phòng quản trị công nghệ thông tin*

STT	Bộ phận	Chức năng/ Nhiệm vụ chính
7	Khối Thẩm định và Phê duyệt Tín dụng	Thực hiện thẩm định tài sản, thẩm định tín dụng và phê duyệt tín dụng theo chính sách tín dụng và mục tiêu chiến lược của ABBANK và phù hợp với các quy định của pháp luật và quy định nội bộ của ABBANK về cấp tín dụng. *Khối Thẩm định và Phê duyệt Tín dụng bao gồm:* - *Trung tâm thẩm hịnh khách hàng doanh nghiệp* - *Trung tâm thẩm định SME* - *Trung tâm thẩm định khách hàng cá nhân* - *Trung tâm phê duyệt tín dụng* - *Phòng thẩm định tài sản*
8	Khối Quản lý Rủi ro	Đầu mối xây dựng chính sách, quy định nội bộ về nguyên tắc nhận diện, đo lường, đưa ra các biện pháp giảm thiểu, báo cáo việc thực hiện và trạng thái rủi ro trên các mặt hoạt động của Ngân hàng, đưa ra các biện pháp nhằm tối ưu hóa nguồn lực của Ngân hàng, theo dõi nhằm tối thiểu hóa, kiểm soát khả năng gây ảnh hưởng tiêu cực của các sự việc/hành động không thể lường trước nhằm đảm bảo quá trình kinh doanh liên tục và hiệu quả. *Khối Quản lý Rủi ro bao gồm:* - *Phòng quản lý rủi ro thị trường* - *Phòng quản lý rủi ro hoạt động* - *Phòng quản lý rủi ro và chính sách tín dụng* - *Phòng Basel*

STT	Bộ phận	Chức năng/ Nhiệm vụ chính
9	Khối Tổng hợp	1. Xây dựng phát triển thương hiệu, marketing và truyền thông theo đúng các mục tiêu chiến lược ABBANK; 2. Xây dựng và triển khai kế hoạch phát triển mạng lưới, đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của cơ quan quản lý nhà nước; 3. Thực hiện chức năng hỗ trợ trong việc quản lý hành chính, công tác mua sắm tập trung và trên toàn hệ thống. *Khối Tổng hợp bao gồm:* - *Phòng truyền thông và marketing* - *Phòng mua sắm* - *Phòng hành chính* - *Phòng phát triển mạng lưới*
10	Khối Kế toán	Lập kế hoạch và quản lý chi phí hoạt động của Ngân hàng. Thực hiện công tác kế toán; thiết lập các báo cáo kế toán theo quy định của pháp luật. Kiểm soát và đảm bảo sự tuân thủ trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán thuế theo quy định của pháp luật và của ABBANK. *Khối Kế toán bao gồm:* - *Phòng kế toán tổng hợp* - *Phòng kế toán nguồn vốn* - *Phòng kế toán thanh toán* - *Phòng kiểm soát*

STT	Bộ phận	Chức năng/ Nhiệm vụ chính
11	Khối Quản trị Nguồn Nhân lực	Thực hiện chức năng quản lý nguồn nhân lực cho các đơn vị tại ABBANK bao gồm các dịch vụ nội bộ liên quan đến tuyển dụng và tuyển chọn nhân sự; đào tạo, phát triển đội ngũ nhân sự tiềm năng và kế cận; xây dựng và thực hiện các chế độ chính sách để thu hút, gìn giữ nhân sự có chất lượng phục vụ cho các hoạt động kinh doanh nhằm đạt được các mục tiêu chiến lược của ABBANK. *Khối Quản trị Nguồn Nhân lực bao gồm:* - *Trung tâm đào tạo và phát triển* - *Phòng quản lý nhân sự* - *Phòng tuyển dụng* - *Phòng lương và chế độ đãi ngộ*
12	Ban Pháp chế và Tuân thủ	Đảm bảo sự tuân thủ luật pháp và các quy định trong ngân hàng trong mọi hoạt động của Ngân hàng; Đảm bảo tối đa quyền và lợi ích của ABBANK trên phương diện pháp lý. *Ban Pháp chế và Tuân thủ bao gồm:* - *Phòng pháp chế* - *Phòng giám sát tín dụng* - *Phòng giám sát phi tín dụng*
13	Ban Xử lý Nợ	Quản lý hệ thống trên toàn ABBANK về nợ có vấn đề và xử lý nợ có vấn đề theo các quy định của pháp luật và ABBANK. *Ban Xử lý Nợ bao gồm:* - *Phòng xử lý nợ phía Bắc* - *Phòng xử lý nợ phía Nam* - *Phòng giám sát và khắc phục nợ có vấn đề*

STT	Bộ phận	Chức năng/ Nhiệm vụ chính
14	Ban Tài chính	Thực hiện chức năng tài chính quản trị; quản lý tài sản nợ - tài sản có; quản lý vốn; quản lý thu nhập, chi phí và hỗ trợ phân tích kinh doanh; lập và theo dõi, đánh giá, báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch chiến lược, kế hoạch kinh doanh của Ngân hàng. *Ban Tài chính bao gồm:* - *Phòng quản lý bảng cân đối* - *Phòng phân tích kinh doanh* - *Phòng quản trị dữ liệu*
15	Văn phòng Tổng Giám đốc	Tham mưu và giúp việc cho Tổng Giám đốc và Ban Điều hành trong việc điều hành hoạt động Ngân hàng theo quy định của pháp luật và Điều lệ ABBANK; tham gia theo dõi, giám sát việc thực thi các nghị quyết và chỉ đạo điều hành của Tổng Giám đốc và Ban Điều hành trong phạm vi được giao; thực hiện chức năng quản lý dự án, quản lý chất lượng dịch vụ của Ngân hàng. *Văn phòng Tổng Giám đốc bao gồm:* - *Trợ lý* - *Văn phòng* - *Phòng quản lý chất lượng*

3 Danh sách cổ đông

3.1 Cơ cấu cổ đông chốt tại ngày 30/10/2020

Bảng 4: Cơ cấu cổ đông của Ngân hàng TMCP An Bình tại ngày 30/10/2020

STT	Cổ đông	Số lượng	Số CP sở hữu	Tỷ lệ %/VĐL
1	**Cổ đông trong nước**	**5.112**	**399.890.859**	**70,00**
	Cá nhân	5.086	287.286.112	50,29%
	Tổ chức	26	112.604.747	19,71%

2	**Cổ đông nước ngoài**	**2**	**171.420.496**	**30,00%**
	Cá nhân	0	0	0,00%
	Tổ chức	2	117.420.496	30,00%
3	**Cổ phiếu quỹ**	0	0	0,00%
4	**Tổng cộng (1+2+3)**	**5.114**	**571.311.355**	**100,00%**

Nguồn: Danh sách cổ đông do VSD chốt tại ngày 30/10/2020

3.2 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của ABBANK

Bảng 4: Cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của ABBANK

TT	Họ và tên	Số GCNĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ % / vốn điều lệ thực góp
1	Tập đoàn Geleximco – Công ty CP	0100514947	Số 36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, Hà Nội	74.222.415	12,99%
2	Malayan Banking Berhad (Maybank)	3813-K	Menara Maybank, 100 Jalan Tun Perak, 50050 Kuala Lumpur, Malaysia	114.265.019	20,00%
3	Tổ chức Tài chính quốc tế (IFC)	(IFC là tổ chức thuộc Ngân hàng Thế giới World Bank)	2121 Pennsylvania Ave., New York, Washington, DC20433	57.155.477	10,00%
		Tổng cộng		**245.642.911**	**42,99%**

Nguồn: Danh sách cổ đông do VSD chốt tại ngày 30/10/2020

3.3 Danh sách cổ đông sáng lập

Căn cứ quy định tại Điều 119 Luật doanh nghiệp 2014: *"Trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận ĐKKD, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng số cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của ĐHĐCĐ"*, Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình đăng ký lần đầu dưới hình thức công ty cổ phần từ ngày 17/05/1993, do đó tính đến thời điểm hiện tại (30/10/2020), cổ phần của cổ đông sáng lập (số cổ phần đăng ký mua tại thời thời điểm đăng ký doanh nghiệp lần đầu và đã góp trong thời hạn 90 ngày) đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng 03 năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Hiện nay, các cổ đông sáng lập đều không còn sở hữu cổ phần tại ABBANK.

4 Danh sách những công ty mẹ và công ty con của ABBANK, những công ty mà ABBANK đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với ABBANK

4.1 Công ty mẹ

Không có

4.2 Danh sách công ty con

Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản ngân hàng TMCP An Bình ("ABBA")

- Địa chỉ: Tầng 2, Toà nhà Geleximco, Số 36 Hoàng Cầu, P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, Hà Nội
- Điện thoại: +84 (24) 3519 0425
- Giấy CNĐKKD: 0104009199 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18/01/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 03/06/2015
- Hoạt động kinh doanh chính:
  - Bán tài sản đảm bảo nợ vay; Cơ cấu nợ tồn đọng; Xử lý tài sản đảm bảo: Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp để bán, cho thuê, khai thác kinh doanh, v.v.; Thực hiện mua bán Nợ tồn đọng của tổ chức tín dụng và các công ty quản lý nợ và khai thác tài sản;
  - Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh khách sạn;

- Cho thuê máy móc thiết bị; Cho thuê xe có động cơ; Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính: Các dịch vụ ủy thác và giám sát trên cơ sở phí và hợp đồng; Trung gian dàn xếp mua bán nợ;
- Dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

- Vốn điều lệ: 260.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu của ABBANK tại ngày 30/10/2020: 100% vốn điều lệ
- Giá trị vốn góp: 260.000.000.000 đồng

Công ty TNHH MTV Dịch vụ Bảo vệ ABBA ("ABBAS") – Là công ty do ABBA trực tiếp sở hữu 100% vốn.

- Địa chỉ: Tầng 2, Toà nhà Geleximco, Số 36 Hoàng Cầu, P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, Hà Nội
- Điện thoại: +84 (24) 3519 0425
- Giấy CNĐKKD: 0106112803 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà nội cấp lần đầu ngày 27/02/2013, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 18/05/2018.
- Hoạt động kinh doanh chính:
  - Hoạt động bảo vệ cá nhân
  - Kinh doanh dịch vụ bảo vệ
- Vốn điều lệ: 2.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu của ABBANK tại ngày 30/10/2020: 100% vốn điều lệ
- Giá trị vốn góp: 2.000.000.000 đồng

4.3 Danh sách những công ty mà ABBANK đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

Không có

4.4 Danh sách những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với ABBANK

Không có

5 Hoạt động kinh doanh

5.1 Sản phẩm và dịch vụ

ABBANK cung cấp các dịch vụ đa dạng nhằm phục vụ tất cả các đối tượng khách hàng dựa trên ba phân khúc cốt lõi bao gồm khách hàng cá nhân, khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ ("SME") và khách hàng doanh nghiệp. Các sản phẩm và dịch vụ chính bao gồm:

- Sản phẩm tiền gửi: Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn; Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn ; Tiền gửi thanh toán
- Sản phẩm cho vay: cho vay sản xuất thương mại dịch vụ; cho vay mua nền nhà, mua nhà; cho vay sửa chữa, xây dựng, trang trí nội thất; cho vay trả góp, sinh hoạt, tiêu dùng; cho vay cầm cố sổ tiết kiệm; cho vay du học
- Thanh toán quốc tế: Thư tín dụng (L/C); Chuyển tiền; Nhờ thu; Kiều hối – MoneyGram
- Các sản phẩm dịch vụ khác: chuyển tiền trong nước; kinh doanh ngoại tệ; dịch vụ ngân quỹ; thu chi hộ; bảo lãnh; xác nhận khả năng tài chính; phone Banking; internet banking, v.v

5.2 Huy động vốn

Huy động vốn là một hoạt động được ABBANK rất chú trọng, với mục tiêu bảo đảm vốn cho vay, an toàn thanh khoản và tạo điều kiện tăng nhanh tài sản nợ, nâng cao vị thế của ABBANK trong hệ thống ngân hàng. Các sản phẩm huy động vốn của ABBANK rất đa dạng nhằm đáp ứng nhu cầu gửi tiền của dân cư và các tổ chức bằng ngoại tệ và nội tệ thông qua nhiều kênh huy động.

Thị trường 1: Là mảng thị trường tập trung vào các đối tượng là cá nhân và các tổ chức kinh tế. Ngoài các sản phẩm huy động truyền thống, ABBANK không ngừng đưa ra các sản phẩm huy động vốn đa dạng, tiện ích, cạnh tranh và phù hợp với nhu cầu của cá nhân và tổ chức như: (i) chứng chỉ tiền gửi ngắn hạn, (ii) trái phiếu. Ngoài ra, nhờ có chính sách lãi suất phù hợp cùng với các chương trình khuyến mãi với quà tặng hấp dẫn và mạng lưới hoạt động rộng khắp trong cả nước, thương hiệu của ABBANK đã chiếm được vị trí vững chắc trong tiềm thức dân cư và các doanh nghiệp nên việc huy động vốn cũng trở nên thuận lợi.

Thị trường 2: Là mảng thị trường tập trung vào các định chế tài chính. Bên cạnh việc kinh doanh liên ngân hàng, ABBANK còn nhận vốn tài trợ của các tổ chức trong và ngoài nước để tài trợ cho các dự án trọng điểm, đóng góp chung vào sự phát triển của nền kinh tế.

Hoạt động huy động vốn của ABBANK biến chuyển tốt qua các năm và tập trung chủ yếu vào khu vực dân cư và các tổ chức kinh tế, duy trì tỷ trọng hợp lý giữa nguồn vốn huy động từ thị trường 1 và thị trường 2, từ đó nâng cao dự trữ thanh khoản và thực hiện đúng chiến lược tái

cơ cấu bảng cân đối của ABBANK. Trong năm 2019, tổng nguồn vốn huy động của ABBANK đạt 92,6 ngàn tỷ, tăng 24,0% so với năm 2018, trong đó đóng góp chủ yếu đến từ Tiền gửi của khách hàng (chiếm 75% tổng huy động). Tiền gửi của khách hàng trong năm 2019 đạt 69,5 ngàn tỷ, tăng 11,7% so với năm 2018. Tại 30/09/2020, tổng nguồn vốn huy động của ABBANK giảm 11,0% so với 31/12/2019; trong đó tiền gửi của khách hàng tại 30/09/2020 đạt 72,2 ngàn tỷ đồng, chiếm 87,7% trong tổng nguồn vốn huy động của ABBANK.

Bảng 5: Cơ cấu tiền gửi của khách hàng theo loại hình (Hợp nhất)

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
	Giá trị	Giá trị	Giá trị
Tiền gửi của khách hàng	**62.260**	**69.574**	**72.281**
Tiền gửi không kỳ hạn	11.342	7.874	9.284
Tiền gửi tiết kiệm và tiền gửi có kỳ hạn	50.361	60.491	62.618
Tiền gửi vốn chuyên dùng	48	867	23
Tiền ký quỹ	509	342	356
Tiền gửi và vay các TCTD khác	**9.344**	**16.735**	**7.837**
Tiền gửi của các TCTD khác	4.238	8.466	5.429
Vay các TCTD khác	5.106	8.269	2.408
Phát hành giấy tờ có giá	**1.943**	**5.191**	**1.206**
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	**1.152**	**1.162**	**1.116**
Tổng	**74.699**	**92.662**	**82.440**

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2019, BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2020 của ABBANK

Bảng 6: Cơ cấu tiền gửi của khách hàng theo loại hình (Riêng)

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
	Giá trị	Giá trị	Giá trị
Tiền gửi của khách hàng	**62.548**	**69.595**	**72.287**
Tiền gửi không kỳ hạn	11.345	7.875	9.284

Tiền gửi tiết kiệm và tiền gửi có kỳ hạn	50.646	60.511	62.624
Tiền gửi vốn chuyên dùng	48	867	23
Tiền ký quỹ	509	342	356
Tiền gửi và vay các TCTD khác	**9.344**	**16.735**	**7.837**
Tiền gửi của các TCTD khác	4.238	8.466	5.429
Vay các TCTD khác	5.106	8.269	2.408
Phát hành giấy tờ có giá	**1.943**	**5.191**	**1.206**
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	**1.152**	**1.162**	**1.116**
Tổng	**74.987**	**92.683**	**82.446**

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng lẻ năm 2019, BCTC riêng lẻ Quý 3 năm 2020 của ABBANK

ABBANK kiểm soát và giảm chi phí huy động tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn và có kỳ hạn nhờ vào khả năng cung cấp cho khách hàng sự tiện ích, các sản phẩm và dịch vụ mang lại trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng để bù đắp cho lãi suất tiền gửi thấp hơn. Các khách hàng gửi tiền ít nhạy cảm về lãi suất có xu hướng chọn gửi tiền tại ngân hàng tiện lợi về mặt địa điểm và các dịch vụ đi kèm hơn là lãi suất tiền gửi. Để tiếp tục huy động vốn với chi phí thấp thông qua tiền gửi khách hàng, ABBANK tập trung phát triển và hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin, hướng tới mục tiêu cung cấp các dịch vụ hiện đại, phát triển các sản phẩm, dịch vụ ưu việt nhằm bứt phá vượt trội so với các đối thủ cạnh tranh.

5.3 Hoạt động tín dụng

ABBANK thực hiện chủ trương cấp tín dụng an toàn, thận trọng và phân tán nhằm giảm thiểu rủi ro. Việc tăng trưởng tín dụng được kiểm soát chặt chẽ để đảm bảo an toàn hoạt động cho Ngân hàng. Hoạt động tín dụng của ABBANK được giữ vững theo phương châm an toàn và thận trọng, không cạnh tranh bằng cách nới lỏng điều kiện tín dụng. ABBANK theo đuổi chiến lược bán lẻ và tập trung phát triển thúc đẩy cho vay khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ. Cụ thể, dư nợ cho vay khách hàng tăng trưởng qua các năm như sau:

Bảng 7: Dư nợ cho vay của Ngân hàng TMCP An Bình (Riêng)

Đơn vị tính: tỷ đồng

Khoản mục	31/12/2018		31/12/2019		30/09/2020	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng

Tiền gửi tại và cho vay TCTD	9.119	15,0%	17.776	24,1%	14.146	19,5%
Cho vay khách hàng	51.537	85,0%	56.070	75,9%	58.292	80,5%
Tổng cộng	**60.656**	**100,0%**	**73.846**	**100,0%**	**72.438**	**100,0%**

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng lẻ năm 2019, BCTC riêng lẻ Quý 3 năm 2020 của ABBANK

Bảng 8: Dư nợ cho vay của Ngân hàng TMCP An Bình (Hợp nhất)

Đơn vị tính: tỷ đồng

Khoản mục	31/12/2018		31/12/2019		30/09/2020	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Tiền gửi tại và cho vay TCTD	9.139	15,1%	17.855	24,2%	14.267	19,7%
Cho vay khách hàng	51.537	84,9%	56.070	75,8%	58.292	80,3%
Tổng cộng	**60.676**	**100,0%**	**73.925**	**100,0%**	**72.559**	**100,0%**

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2019, BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2020 của ABBANK

Chất lượng tín dụng

Bảng 9: Chất lượng nợ cho vay khách hàng của Ngân hàng TMCP An Bình (Riêng)

Đơn vị tính: tỷ đồng

Khoản mục	31/12/2018		31/12/2019		30/09/2020	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Nợ đủ tiêu chuẩn	50.211	96,2%	54.803	96,5%	56.202	95,3%

Nợ cần chú ý	989	1,9%	687	1,2%	1,152	2,0%
Nợ dưới tiêu chuẩn	142	0,3%	292	0,5%	563	1,0%
Nợ nghi ngờ	190	0,4%	423	0,7%	425	0,7%
Nợ có khả năng mất vốn	652	1,2%	597	1,1%	645	1,1%
Tổng cộng	**52.184**	**100,0%**	**56.803**	**100,0%**	**58.986**	**100,0%**

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng lẻ năm 2019, BCTC riêng lẻ Quý 3 năm 2020 của ABBANK

Bảng 10: Chất lượng nợ cho vay khách hàng của Ngân hàng TMCP An Bình (Hợp nhất)

Đơn vị tính: tỷ đồng

Khoản mục	31/12/2018		31/12/2019		30/09/2020	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Nợ đủ tiêu chuẩn	50.211	96,2%	54.803	96,5%	56.202	95,3%
Nợ cần chú ý	989	1,9%	687	1,2%	1,152	2,0%
Nợ dưới tiêu chuẩn	142	0,3%	292	0,5%	563	1,0%
Nợ nghi ngờ	190	0,4%	423	0,7%	425	0,7%
Nợ có khả năng mất vốn	652	1,2%	597	1,1%	645	1,1%
Tổng cộng	**52.184**	**100,0%**	**56.803**	**100,0%**	**58.986**	**100,0%**

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2019, BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2020 của ABBANK

Sản phẩm tín dụng

Bảng 11: Cơ cấu dư nợ tín dụng cho vay khách hàng theo thời hạn vay của Ngân hàng TMCP An Bình (Riêng)

Đơn vị tính: tỷ đồng

Khoản mục	31/12/2018		31/12/2019		30/09/2020	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Cho vay ngắn hạn	26.361	50,5%	27.625	48,6%	30.596	51,9%
Cho vay trung hạn	6.367	12,2%	6.596	11,6%	4.951	8,4%
Cho vay dài hạn	19.455	37,3%	22.582	39,8%	23.440	39,7%
Tổng cộng	**52.184**	**100,0%**	**56.803**	**100,0%**	**58.987**	**100,0%**

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng lẻ năm 2019, BCTC riêng lẻ Quý 3 năm 2020 của ABBANK

Bảng 12: Cơ cấu dư nợ tín dụng cho vay khách hàng theo thời hạn vay của Ngân hàng TMCP An Bình (Hợp nhất)

Đơn vị tính: tỷ đồng

Khoản mục	31/12/2018		31/12/2019		30/09/2020	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Cho vay ngắn hạn	26.361	50,5%	27.625	48,6%	30.596	51,9%
Cho vay trung hạn	6.367	12,2%	6.596	11,6%	4.951	8,4%
Cho vay dài hạn	19.455	37,3%	22.582	39,8%	23.440	39,7%
Tổng cộng	**52.184**	**100,0%**	**56.803**	**100,0%**	**58.986**	**100,0%**

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2019, BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2020 của ABBANK

ABBANK có mức tăng trưởng dư nợ năm 2019 đạt 56.803 tỷ đồng, tăng 8,9% so với năm 2018. Tính đến 9/2020, dư nợ cho vay khách hàng đạt 58.986 tỷ đồng. Danh mục tín dụng của ABBANK luôn được kiểm soát chặt chẽ bởi Khối Quản lý rủi ro và dựa trên các nguyên tắc an toàn trong hoạt động cho vay; đa dạng danh mục cho vay; thận trọng trong cho vay trung và dài hạn. Tỷ lệ nợ xấu (nợ nhóm 3 đến nhóm 5) của ABBANK tại thời điểm 31/12/2019 và 30/09/2020 lần lượt ở mức 1,7% và 2,3% Tổng Dư nợ (bao gồm cả 02 thị trường: cho vay khách hàng, cho vay TCTD khác, trái phiếu DN chưa niêm yết và tiền gửi kỳ hạn tại TCTD khác).

Bảng 13: Cơ cấu dư nợ cho vay khách hàng theo ngành nghề kinh doanh

Đơn vị tính: tỷ đồng

Khoản mục	31/12/2018		31/12/2019		30/09/2020	
	Dư nợ cho vay	Tỷ trọng (%)	Dư nợ cho vay	Tỷ trọng (%)	Dư nợ cho vay	Tỷ trọng (%)
Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	11.674	22,4%	14.604	25,7%	17.912	30,4%
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	11.015	21,1%	10.341	18,2%	9.782	16,6%
Xây dựng	7.719	14,8%	8.125	14,3%	7.739	13,1%
Công nghiệp chế biến, chế tạo	4.364	8,4%	4.170	7,3%	4.448	7,5%
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	3.944	7,6%	4.258	7,5%	4.168	7,1%
Hoạt động kinh doanh bất động sản	3.084	5,9%	3.549	6,2%	2.588	4,4%
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản	1.386	2,7%	1.756	3,1%	2.839	4,8%
Vận tải kho bãi	1.218	2,3%	1.582	2,8%	1.633	2,8%
Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	693	1,3%	547	1,0%	1.338	2,3%
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	1.482	2,8%	1.395	2,5%	935	1,6%
Thông tin và truyền thông	146	0,3%	172	0,3%	340	0,6%
Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	381	0,7%	317	0,6%	252	0,4%
Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	327	0,6%	313	0,6%	308	0,5%
Giao dục và đào tạo	241	0,5%	234	0,4%	216	0,4%
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	230	0,4%	268	0,5%	205	0,3%
Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải.	178	0,3%	316	0,6%	123	0,2%
Nghệ thuật,vui chơi và giải trí	141	0,3%	128	0,2%	94	0,2%
Khai khoáng	376	0,7%	82	0,1%	64	0,1%

Hoạt động của đảng Cộng sản, tổ chức chính trị – xã hội, quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng; bảo đảm xã hội bắt buộc	71	0,1%	66	0,1%	61	0,1%
Hoạt động của các tổ chức cơ quan quốc tế	5	0,0%	5	0,0%	5	0,0%
Hoạt động dịch vụ khác	3.509	6,7%	4.575	8,1%	3.936	6,7%
TỔNG CỘNG	**52.184**	100,0%	**56.803**	100,0%	**58.986**	100,0%

Nguồn: ABBANK

Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình chiếm tỷ trọng cao nhất trong dư nợ cho vay cả hai năm 2018 và 2019; sau đó là các hoạt động Bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô, v.v. Các ngành và lĩnh vực khác có tỷ trọng nhỏ hơn nhưng vẫn đủ để hài hòa giữa các ngành trong nền kinh tế.

Bảng 14: Cơ cấu dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và loại hình doanh nghiệp

Đơn vị tính: tỷ đồng

Theo lĩnh vực	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
Cho vay tổ chức kinh tế	**29.678**	**31.722**	**31.568**
Công ty cổ phần	15.782	15.774	15.308
Công ty trách nhiệm hữu hạn	10.765	12.925	14.137
Doanh nghiệp nhà nước	2.479	2.367	1.632
Doanh nghiệp có vốn nước ngoài	473	410	422
Doanh nghiệp tư nhân	132	175	12
Kinh tế tập thể	7	34	33
Tổ chức giáo dục	19	19	22
Công ty hợp danh	0	0	0
Khác	21	19	2
Cho vay cá nhân	**22.506**	**25.081**	**27.418**
Tổng Cộng	**52.184**	**56.803**	**58.986**

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2019, BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2020 của ABBANK

Trong năm 2019, dư nợ cho vay khách hàng của ABBANK đạt 56.803 tỷ đồng, tăng 8,9% so với cùng kỳ năm 2018 (năm 2018, dư nợ cho vay khách hàng đạt 52.184 tỷ đồng). Đến tháng 09/2020, dư nợ cho vay khách hàng của ABBANK đạt 58.986 tỷ đồng, trong đó: (i) khách hàng doanh nghiệp đạt 17.339 tỷ đồng, giảm 1.927 tỷ so với cuối năm 2019,(ii) khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ, đạt 14.322 tỷ đồng, tăng 1.866 tỷ đồng so với cuối năm 2019; (iii) khách hàng cá nhân đạt 27.326 tỷ đồng, tăng 2.245 tỷ đồng so với cuối năm 2019.

Dư nợ cho vay của khách hàng doanh nghiệp; khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ; khách hàng cá nhân tại 30/09/2020 lần lượt chiếm 29,39%; 24,28%; 46,33% /tổng dư nợ cho vay của ABBANK, trong khi đó, tại năm 2019 lần lượt chiếm tỷ trọng như sau: 33,92%; 21,93%; 44,15%.

Cùng với tăng trưởng cho vay khách hàng, ABBANK đang từng bước nâng cao chất lượng tài sản và kiểm soát chất lượng tín dụng thông qua việc triển khai nhiều dự án chiến lược liên quan đến vận hành quản trị doanh nghiệp và quản trị rủi ro.

5.4 Hoạt động kinh doanh ngoại tệ và thanh toán

ABBANK đủ điều kiện cung ứng các dịch vụ ngoại hối sau:

- Cung cấp các giao dịch hối đoái dưới hình thức giao dịch giao ngay, kỳ hạn, hoán đổi, quyền lựa chọn, hợp đồng tương lai và các giao dịch hối đoái khác theo thông lệ quốc tế;
- Huy động vốn, cho vay và bảo lãnh bằng ngoại tệ dưới các hình thức theo quy định của Ngân hàng nhà nước;
- Phát hành, đại lý phát hành thẻ quốc tế;
- Cung cấp các dịch vụ chuyển tiền và thanh toán (trong nước và quốc tế); nhận và chi, trả ngoại tệ;
- Chiết khấu, tái chiết khấu giấy tờ có giá bằng ngoại tệ;
- Ủy nhiệm cho tổ chức tín dụng khác và tổ chức kinh tế làm đại lý cung ứng một số dịch vụ ngoại hối, bao gồm dịch vụ đổi ngoại tệ, dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ và các dịch vụ khác;
- Cung cấp các dịch vụ ủy thác và quản lý tài sản bằng ngoại hối;
- Cung cấp các dịch vụ Ngân hàng đầu tư bằng ngoại hối (mua, bán, sáp nhập, bảo lãnh và làm đại lý phát hành chứng khoán ngoại tệ, v.v.);
- Cung ứng các dịch vụ tư vấn cho khách hàng về ngoại hối;

- Thực hiện các hoạt động ngoại hối khác theo thông lệ quốc tế và phù hợp với pháp luật Việt Nam.

Bảng 15: Hoạt động kinh doanh ngoại tệ và dịch vụ thanh toán từ năm 2018, năm 2019 và 9 tháng 2020

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
Thu từ dịch vụ thanh toán	*146*	*176*	*133*
Chi về dịch vụ thanh toán	*56*	*69*	*53*
Lãi thuần từ dịch vụ thanh toán	*90*	*107*	80
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	*196*	*196*	342

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2019, BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2020 của ABBANK

a. Dịch vụ thanh toán quốc tế và trong nước

Hoạt động dịch vụ thanh toán của ABBANK có sự tăng trưởng nhanh, với tốc độ tăng thu nhập và lãi thuần từ dịch vụ thanh toán so với năm 2018 lần lượt đạt 20,7% và 19,0%.

Với mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch và hệ thống ATM rộng khắp trên toàn quốc, cùng với việc ABBANK là thành viên của Hiệp hội thanh toán điện tử liên Ngân hàng Citad, đồng thời cũng là thành viên thanh toán song phương/đa phương với những ngân hàng hàng đầu Việt nam, ABBANK đã và đang cung cấp các dịch vụ thanh toán cho khách hàng với nhiều tiện ích.

Đối với mảng dịch vụ thanh toán quốc tế, ABBANK không ngừng hoàn thiện các sản phẩm và hệ thống cung cấp sản phẩm thanh toán quốc tế nhằm đẩy mạnh doanh số hoạt động thanh toán quốc tế trong các năm tới. Nghiệp vụ chuyển tiền quốc tế và tài trợ thương mại được Trung tâm thanh toán xử lý theo một quy trình và chuẩn mực thống nhất trên toàn hệ thống, đảm bảo an toàn, hiệu quả cho hệ thống thanh toán của ABBANK. Hơn nữa, ABBANK đã xây dựng mạng lưới Ngân hàng đại lý rộng khắp trên toàn thế giới. Đến nay, ABBANK đã thiết lập quan hệ đại lý với hơn 300 ngân hàng và chi nhánh ngân hàng trên toàn cầu phục vụ các nhu cầu của khách hàng trong nước và quốc tế liên quan đến thanh toán quốc tế. Điều này góp phần rút ngắn thời gian ABBANK phát hành, thông báo và thu xếp các yêu cầu xác nhận tín dụng thư liên quan đến giao dịch xuất nhập khẩu một cách nhanh chóng và hiệu quả.

Trong năm 2019, doanh số thanh toán quốc tế của ABBANK đạt 1.636,5 triệu USD, đạt 131% so với năm 2018. Phí dịch vụ thu được là 2 triệu USD. Số lượng giao dịch: 20.159 giao dịch, bằng 98% so với năm 2018. Tỷ lệ điện chuyển tiền đi nước ngoài đảm bảo an toàn giao dịch 100%.

Bảng 16: Hoạt động thanh toán từ 2018 đến nay

Nghiệp vụ	Đơn vị	Năm 2018	Năm 2019	9 tháng 2020
Chuyển tiền trong nước đi	nghìn tỷ VND	1.399.763	1.946.319	1.464.494
Chuyển tiền trong nước về	nghìn tỷ VND	1.265.184	1.758.746	1.368.123
Chuyển tiền quốc tế đi	triệu USD	461,3	541,9	373.16
Chuyển tiền quốc tế về	triệu USD	594,3	845,8	611.14
Thanh toán TTTM xuất khẩu	triệu USD	68,7	135,6	38.17
Thanh toán TTTM nhập khẩu	triệu USD	129,0	113,2	70.73

Nguồn: ABBANK

b. Dịch vụ kinh doanh ngoại hối

ABBANK liên tục duy trì trạng thái ngoại tệ trong mức quy định của NHNN. Doanh thu từ hoạt động này chủ yếu từ các hợp đồng giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi, v.v. ABBANK đã thiết lập các hạn mức trạng thái cho từng loại ngoại tệ và được theo dõi tập trung tại Hội sở chính. Ngoài ra, các biện pháp phòng ngừa rủi ro cũng được áp dụng để đảm bảo trạng thái ngoại tệ toàn hệ thống được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

Về hoạt động kinh doanh ngoại tệ, ABBANK không kinh doanh ngoại hối mà chỉ mua bán ngoại tệ để phục vụ nhu cầu của khách hàng. Ngoài ra, theo quy định về hạch toán của chuẩn mực kế toán Việt Nam ("VAS"), các trạng thái ngoại tệ không đánh giá lại theo giá trị thị trường hàng ngày mà chỉ đánh giá lại theo tỷ giá liên ngân hàng tại thời điểm báo cáo. Do vậy, các trạng thái ngoại tệ khi mua với tỷ giá lớn hơn tỷ giá liên ngân hàng sẽ phải ghi nhận lỗ trong hạng mục lãi/lỗ từ hoạt động kinh doanh ngoại hối. Các khoản lỗ này chỉ do cách hạch toán kế toán và mang tính thời điểm.

5.5 Hoạt động ngân hàng đại lý

Hiện nay, ABBANK đã có quan hệ đại lý với hơn 300 ngân hàng và chi nhánh ngân hàng tại khoảng 58 quốc gia và vùng lãnh thổ. Trong đó, các ngân hàng lớn có mạng lưới chi nhánh rộng khắp trên thế giới cũng đã thiết lập quan hệ đại lý với ABBANK, ví dụ như JP Morgan Chase, Commerzbank, ANZ, WellsFargo v.v. Các định chế tài chính phát triển như IFC, ADB,

Norfund, DEG cũng đã cấp hạn mức bảo lãnh, vay vốn cho ABBANK nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của ngân hàng.

ABBANK mở và duy trì tài khoản Nostro của các ngoại tệ mạnh như USD, EUR, JPY, AUD, SGD, CNY, CAD tại các ngân hàng quốc tế hàng đầu, nhằm phục vụ nhu cầu thanh toán quốc tế của khách hàng một cách hiệu quả nhất. Bên cạnh đó các ngân hàng đại lý cấp hạn mức tín chấp lớn cho ABBANK phục vụ nghiệp vụ xác nhận, chiết khấu, tài trợ LC, bảo lãnh, kinh doanh tiền tệ và ngoại hối. Việc liên tục đẩy mạnh quan hệ hợp tác và mở rộng mạng lưới ngân hàng đại lý là cơ sở vững chắc để ABBANK xây dựng và triển khai thành công nhiều sản phẩm thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại.

5.6 Hoạt động đầu tư và kinh doanh chứng khoán

Hoạt động đầu tư kinh doanh chứng khoán của ABBANK bao gồm (i) chứng khoán kinh doanh và (ii) chứng khoán đầu tư. Từ năm 2018 đến nay ABBANK không có hoạt động chứng khoán kinh doanh.

Tại thời điểm 31/12/2019, chứng khoán đầu tư của ABBANK giảm 22,1% so với cùng kỳ năm 2018. Cơ cấu chứng khoán của ABBANK trong năm 2019 chủ yếu là chứng khoán nợ gồm (i) Trái phiếu Chính phủ và (ii) Trái phiếu của các tổ chức tín dụng. Chi tiết như sau:

Bảng 17: Chứng khoán đầu tư của ABBANK từ năm 2018, năm 2019 và 9 tháng năm 2020

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
1. Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	**18.412**	**14.969**	**12.580**
1.1. Chứng khoán nợ	**18.418**	**14.999**	**12.605**
Trái phiếu Chính Phủ (a)	13.106	7.695	8.109
Trái phiếu do các tổ chức tín dụng khác trong nước phát hành (b)	1.462	1.617	1.900
Trái phiếu do các tổ chức kinh tế khác trong nước phát hành (c)	3.850	5.687	2.596
1.2. Chứng khoán vốn	**2**	**11**	**11**
Cổ phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	2	11	11

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
1.3.Dự phòng rủi ro chứng khoán sẵn sàng để bán	**(8)**	**(41)**	**(37)**
2. Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	**2.739**	**1.503**	**1.640**
2.1.Chứng khoán nợ	**3.671**	**1.868**	**1.888**
Trái phiếu Chính phủ (a)	50	50	50
Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành (b)	2.386	1.089	1.430
Trái phiếu Đô thị TP. Hồ Chí Minh (c)	224	24	23
Trái phiếu do các tổ chức tín dụng trong nước phát hành (d)	-	320	-
Trái phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành (e)	1.010	385	385
2.2. Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đến hạn	**(931)**	**(364)**	**(248)**
Tổng	**21.151**	**16.472**	**14.220**

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2019, BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2020 của ABBANK

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán:

(a) Trái phiếu Chính phủ có thời hạn từ 3 đến 15 năm và lãi suất từ 2,9%/năm đến 11,5%/năm, lãi trả 3 tháng/ lần hoặc 1 năm/lần. Trong đó, một số trái phiếu với tổng mệnh giá là 4.690.136 triệu đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 5.525.447 triệu đồng) đang được cầm cố để thực hiện vay vốn tại một số TCTD khác và để được cấp hạn mức cho các nghiệp vụ thực hiện với Ngân hàng nhà nước VN

(b) Trái phiếu của TCTD khác có thời hạn từ 5 đến 10 năm với lãi suất từ 3,7%/năm đến 8,6%/, trả lãi hàng năm

(c) Trái phiếu của các tổ chức kinh tế khác có thời hạn từ 1 đến 10 năm, lãi được trả định kỳ 3 tháng/lần, 6 tháng/lần, hoặc 1 năm/lần. Lãi suất hiện tại của các trái phiếu là từ 9,2%/năm đến 11,5%/năm và thay đổi định kỳ 3 tháng/lần, hoặc 6 tháng/lần tùy theo loại trái phiếu. Trái phiếu của một số tổ chức kinh tế có tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất, dự án bất động sản, cổ phiếu.

Chứng khoán đầu tư đến ngày đáo hạn:

(a) Đây là các trái phiếu chính phủ có thời hạn 15 năm với lãi suất 8,4%/năm, lãi được thanh toán định kỳ 1 năm/lần

(b) Trái phiếu đặc biệt được Công ty TNHH Một thành viên Quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam ("VAMC") phát hành nhằm mục đích mua lại các khoản nợ xấu của Ngân hàng. Trái phiếu có thời hạn 5 năm, lãi suất 0,0%/năm. Mệnh giá trái phiếu phát hành là chênh lệch giữa số dư nợ của khách hàng và dự phòng rủi ro cụ thể đã trích chưa được sử dụng tại thời điểm mua.

(c) Đây là các trái phiếu phát triển đô thị Tp. Hồ Chí Minh có thời hạn 15 năm với mức lãi suất 8,8%/năm, tiền lãi được thanh toán định kỳ 1 năm/lần

(d) Đây là chứng khoán nợ do TCTD trong nước phát hành có thời hạn 1 năm và có lãi suất 8,25%/năm, trong đó, tiền lãi được thanh toán vào ngày đáo hạn

(e) Đây là các trái phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành có thời hạn từ 5 năm đến 10 năm và có lãi suất 8,9%/năm đến 9,6%/năm, trong đó tiền lãi được thanh toán định kỳ 6 tháng/lần hoặc vào ngày đáo hạn trái phiếu.

ABBANK luôn duy trì mức đầu tư giấy tờ có giá trung bình vào khoảng trên 20% tổng tài sản, chủ yếu tập trung vào các giấy tờ có giá có mức rủi ro thấp như Trái phiếu Chính phủ hoặc Trái phiếu do Chính phủ bảo lãnh. Hoạt động kinh doanh giấy tờ có giá đã tận dụng được một số cơ hội để hiện thực hóa lợi nhuận đúng thời điểm, tái cơ cấu danh mục đầu tư nhằm xây dựng một danh mục có tính thanh khoản cao. ABBANK tiếp tục chủ trương đầu tư trái phiếu với khẩu vị rủi ro thấp trong năm 2019. Trên thị trường Trái phiếu chính phủ, năm 2019 ABBANK tiếp tục là một nhà kinh doanh lớn, xếp thứ năm về thị phần giao dịch mua bán (tăng 5 bậc so với năm 2018) với doanh số hơn 107.478 tỷ đồng.

5.7 Hoạt động đầu tư góp vốn dài hạn

Bảng 18: Hoạt động góp vốn, đầu tư dài hạn của ABBANK từ 2018 đến nay

Đơn vị tính: tỷ đồng

	Năm 2018	Năm 2019	30/09/2020
Đầu tư dài hạn khác	**269**	**269**	**183**
Công ty tài chính cổ phần điện lực	210	210	124
Công ty Cổ phần EVN – Quốc tế	38	38	38
Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Lực 3	15	15	15

	Năm 2018	Năm 2019	30/09/2020
Công ty Cổ phần Đầu tư PCB	4	4	4
Công ty Cổ phần Thanh toán Quốc gia Việt Nam	2	2	2
Tổng	**269**	**269**	**183**

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2019, BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2020 của ABBANK

Trong năm 2019 và Quý 3/2020, ABBANK đã tiếp tục và chủ động rà soát, đánh giá lại toàn bộ hiệu quả của danh mục đầu tư góp vốn. Với khẩu vị rủi ro đầu tư an toàn, thận trọng và có hiệu quả, ABBANK liên tục tìm kiếm cơ hội và đã đưa ra nhiều nhiều phương án thoái vốn cho những khoản đầu tư đối với các doanh nghiệp khó kiểm soát, kém hiệu quả.

5.8 Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác

- ABBANK được cấp tín dụng dưới hình thức chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác; được cấp tín dụng dưới hình thức cầm cố thương phiếu và các giấy tờ có giá khác theo quy định pháp luật hiện hành;
- ABBANK được tái chiết khấu, cầm cố thương phiếu và các giấy tờ có giá khác đối với các tổ chức tín dụng khác theo quy định pháp luật hiện hành;
- ABBANK có thể được NHNN tái cấp vốn theo các hình thức Cho vay có bảo đảm bằng cầm cố giấy tờ có giá, chiết khấu giấy tờ có giá và các hình thức tái cấp vốn khác.

6 Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

6.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh của Ngân hàng TMCP An Bình

Bảng 19: Cơ cấu thu nhập của Ngân hàng TMCP An Bình

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Riêng lẻ				Hợp nhất			
	2018	2019	% tăng giảm	30/09/2020	2018	2019	% tăng giảm	30/09/2020
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	1.996	2.437	22,1%	1.672	2.039	2.478	21,5%	1.700
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	337	198	-41,1%	150	334	193	-42,2%	139

Chỉ tiêu	Riêng lẻ				Hợp nhất			
	2018	2019	% tăng giảm	30/09/ 2020	2018	2019	% tăng giảm	30/09/ 2020
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	196	196	-0,2%	342	196	196	-0,2%	342
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư	376	574	52,7%	338	381	579	52,2%	343
Thu nhập từ góp vốn mua cổ phần	34	22	-34,8%	28	2	2	6,8%	1
Thu nhập từ hoạt động khác	-37	190	-	53	-38	190	-	52
Tổng cộng	**2.902**	**3.618**	**24,7%**	**2.584**	**2.914**	**3.638**	**24,9%**	**2.578**

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2019, BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2020 của ABBANK

Kết thúc năm 2019, tổng thu nhập hoạt động đạt 3.639 tỷ đồng, tăng 24,9% so với thực hiện năm 2018. Chi phí hoạt động được quản lý chặt chẽ ở mức 1.871 tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế của ABBANK đạt 1.274 tỷ đồng, ghi nhận tốc độ tăng trưởng 37,3% so với năm 2018. Sau 9 tháng năm 2020, tổng thu nhập hoạt động của Ngân hàng đạt 2.578 tỷ, lợi nhuận trước thuế ở mức 946 tỷ đồng.

Bảng 20: Kết quả kinh doanh của Ngân hàng TMCP An Bình (Riêng)

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm	9 tháng năm 2020
Tổng giá trị tài sản	90.237	102.487	13,6%	93.076
Vốn chủ sở hữu	6.825	7.768	13,8%	8.349
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	1.996	2.437	22,1%	1.672
Lợi nhuận trước thuế	901	1.229	36,4%	924

Thuế TNDN	191	260	36,2%	185
Lợi nhuận sau thuế	710	969	36,5%	739
Tỷ lệ LNST/VCSH bình quân	11,0%	13,3%	-	9,3%
Giá trị sổ sách (đồng/cổ phần)	**12.830**	**13.596**	**-**	**14.613**

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng lẻ năm 2019, BCTC riêng lẻ Quý 3 năm 2020 của ABBANK

Bảng 21: Kết quả kinh doanh của Ngân hàng TMCP An Bình (Hợp nhất)

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm	9 tháng năm 2020
Tổng giá trị tài sản	89.998	102.557	14,0%	93.176
Vốn chủ sở hữu	6.869	7.843	14,2%	8.437
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	2.039	2.478	21,5%	1.700
Lợi nhuận trước thuế	928	1.274	37,3%	946
Thuế TNDN	213	273	28,2%	193
Lợi nhuận sau thuế	715	1.001	40,0%	753
Tỷ lệ LNST/VCSH bình quân	11,0%	13,6%	-	9,4%
Giá trị sổ sách (đồng/cổ phần)	**12.913**	**13.728**	**-**	**14.768**

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2019; BCTC hợp nhất Q3-2020 của ABBANK

Tại thời điểm cuối năm 2019, tổng tài sản của Ngân hàng TMCP An Bình tăng 14% so với năm 2018 đạt 102.557 tỷ đồng, vốn điều lệ tăng thêm 394 tỷ đồng so với cuối năm 2018 đạt mức 5.713 tỷ đồng. Đồng thời vốn chủ sở hữu tăng 14,2% từ mức 6.869 tỷ đồng tại thời điểm cuối năm 2018 lên 7.843 tỷ đồng tại thời điểm cuối năm 2019.

Sau nhiều năm tập trung củng cố nội bộ và kiện toàn hệ thống, tính đến 31/12/2019 mạng lưới của ABBANK chính thức chạm mốc 165 điểm giao dịch (bao gồm 35 chi nhánh và 130 phòng giao dịch) và vươn tới 35 tỉnh thành trên cả nước.

Trong năm 2019, Moody's tiếp tục duy trì đánh giá chung về xếp hạng tín dụng của ABBANK ở mức b1. Kết quả này một lần nữa khẳng định ABBANK đang phát triển một cách an toàn và bền vững, nâng cao uy tín và vị thế của ABBANK trong hệ thống ngân hàng Việt Nam.

Bảng 22: Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu

	Riêng lẻ		Hợp nhất	
Chỉ tiêu	**31/12/2018**	**31/12/2019**	**31/12/2018**	**31/12/2019**
Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu	12,14%	10,54%	12,82%	11,07%

Nguồn: ABBANK

Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu ("CAR") của ABBANK được tính phù hợp với quy định tại Thông tư số 36/2014/TT-NHNN do NHNN ban hành ngày 20/11/2014 quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các văn bản pháp luật có liên quan. ABBANK duy trì tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu lớn hơn 9% tuân thủ theo giới hạn quy định của NHNN Việt Nam. CAR hợp nhất của ABBANK tại thời điểm 31/12/2019 ổn định ở mức 11,07%.

Tháng 12/2019, ABBANK đưa vào vận hành hệ thống tính toán tài sản có rủi ro ("RWA") theo Thông tư 41/2016/TT-NHNN của NHNN ban hành ngày 30/12/2016 quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (Thông tư 41). Kể từ 01/01/2020, ABBANK chính thức tuân thủ tiêu chuẩn Basel quy định theo Thông tư 41, đánh dấu bước đi mang tính chiến lược giúp ABBANK nâng cao hiệu quả lợi nhuận và năng lực quản trị rủi ro của Ngân hàng, đồng thời tạo nền tảng quan trọng cho toàn bộ quá trình phát triển hoạt động kinh doanh và thúc đẩy lộ trình triển khai Basel II của ABBANK.

Bảng 23: Tỷ lệ an toàn vốn tại thời điểm 30/09/2020

Chỉ tiêu	Riêng lẻ	Hợp nhất
Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu	10,7%	10,6%

Nguồn: ABBANK

Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (CAR) của ABBANK tại thời điểm 30/09/2020 được thực hiện theo quy định của Thông tư 41 và ABBANK duy trì tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu lớn hơn 8% tuân thủ theo giới hạn quy định của NHNN Việt Nam.

6.1.1 Tổng tài sản

Tổng tài sản tại ngày 31/12/2019 đạt 102.557 tỷ đồng, tăng trưởng 14% so với cuối năm 2018. Tổng tài sản gia tăng chủ yếu đến từ phát triển cho vay khách hàng với tỷ trọng chiếm 55,45% trong cơ cấu tổng tài sản toàn hệ thống. Đồng thời với phát triển về quy mô, chất lượng tài sản của ABBANK vẫn luôn được đảm bảo với hệ số an toàn vốn tối thiểu (CAR) được duy trì trên 9% theo quy định của NHNN, ở mức 11,07%. Tại thời điểm 30/09/2020, tổng tài sản đạt 93.176 tỷ đồng, với mức vốn chủ sở hữu đạt 8,437 tỷ đồng.

Hình 3: Tổng tài sản ABBANK qua các năm

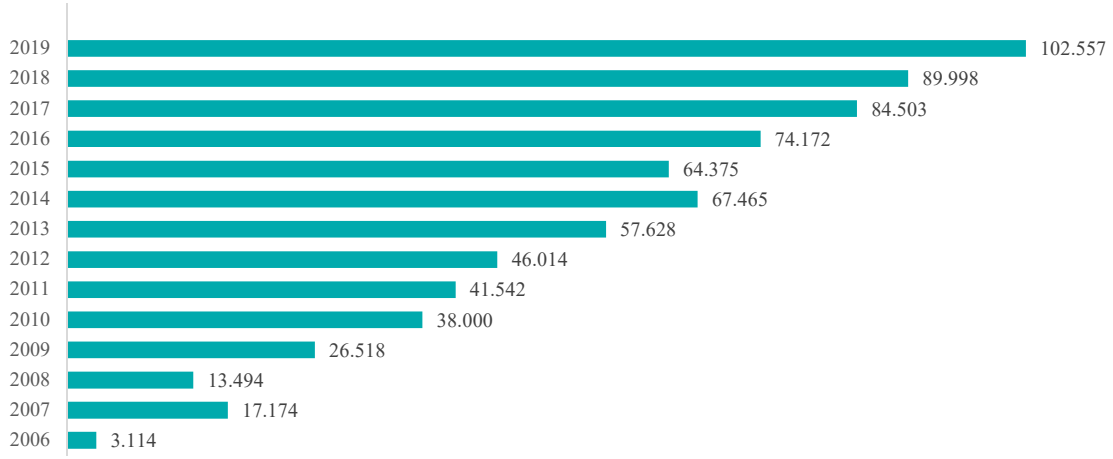

Nguồn: ABBANK

6.1.2 Dư nợ cho vay

Với định hướng tập trung vào bán lẻ, hoạt động tín dụng của ABBANK trong các năm qua vận động linh hoạt với nhiều chính sách hỗ trợ và chương trình ưu đãi dành cho khách hàng. Kết quả đến 31/12/2019, tổng dư nợ cho vay khách hàng đạt 56.803 tỷ đồng, tăng 9% so với cuối năm 2018. Trong đó, cho vay khách hàng cá nhân đạt tốc độ tăng trưởng 11% và đưa dư nợ cá nhân lần đầu tiên vượt mốc 25.000 tỷ đồng. Tính chung mảng bán lẻ đã gia tăng tỷ trọng đóng góp lên gần 66% trong cơ cấu dư nợ thị trường 1 và hơn 49% trong cơ cấu dư nợ của toàn Ngân hàng năm 2019.

Hình 4: Dư nợ cho vay khách hàng của ABBANK qua các năm

Đơn vị tính: tỷ đồng

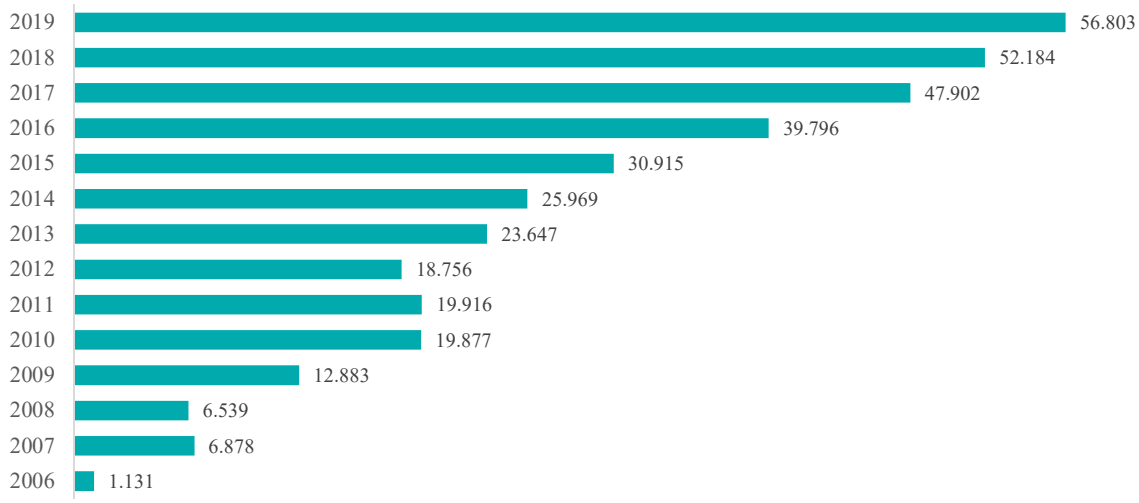

Nguồn: ABBANK

6.1.3 Hoạt động huy động

Hình 5: Tiền gửi khách hàng của ABBANK qua các năm

Đơn vị tính: tỷ đồng

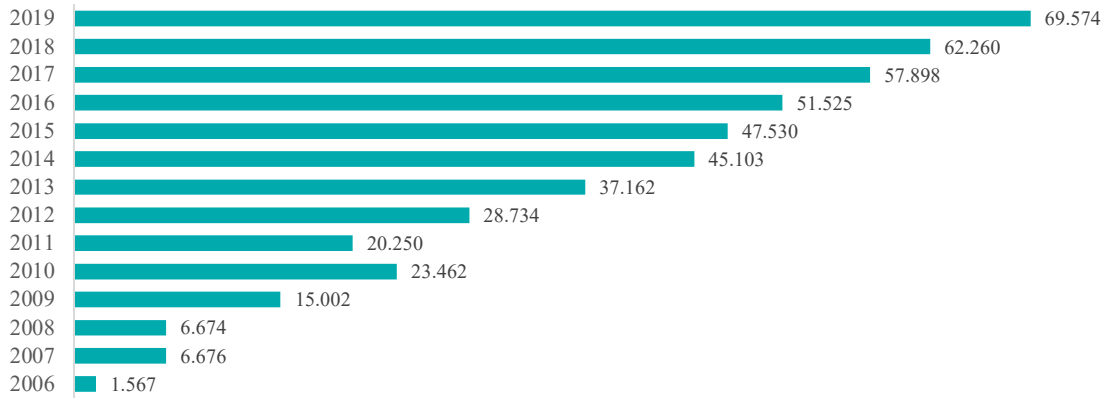

Nguồn: ABBANK

Tiền gửi khách hàng tiếp tục duy trì xu hướng tăng trong năm 2019 với số dư đạt 69.574 tỷ đồng, tăng 12% so với cuối năm 2018. Đồng thời, huy động tiếp tục giữ vai trò chủ đạo trong cơ cấu nguồn vốn của Ngân hàng.

Tận dụng tốt các kênh bán hàng truyền thống cộng với việc phát triển các kênh bán hàng mới kết hợp với từng giai đoạn là yếu tố thúc đẩy hoạt động huy động trên hệ thống toàn quốc. Đặc biệt, tương tự các mảng hoạt động khác, hoạt động huy động của phân khúc khách hàng cá nhân

và khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ cũng được tập trung mở rộng với tỷ trọng cao trong cơ cấu huy động thị trường 1, ở mức 53% vào cuối năm 2019, cho thấy sự dịch chuyển sang bán lẻ khá tương đồng với hoạt động tín dụng.

6.1.4 Vốn chủ sở hữu

Tính đến cuối năm 2019, tổng vốn chủ sở hữu của ABBANK là 7.843 tỷ đồng, trong đó vốn điều lệ là 5.713 tỷ đồng, các quỹ là 640 tỷ đồng và lợi nhuận chưa phân phối là 1.489 tỷ đồng.

6.1.5 Tổng thu nhập hoạt động

Tổng thu nhập hoạt động của ABBANK năm 2019 tăng 24,9% so với năm 2018, đạt 3.639 tỷ đồng, trong đó thu nhập lãi thuần có đóng góp cao nhất với gần 68,1% và đạt 2.478 tỷ đồng (năm 2018 tỉ lệ này là 70,0%). Thu nhập ngoài lãi bao gồm các dịch vụ như dịch vụ thanh toán quốc tế, dịch vụ bảo lãnh, thẻ tín dụng và thẻ thanh toán, v.v giảm 42,2% trong năm 2019 là do Thu từ dịch vụ bảo hiểm FWD giảm.

Tổng chi phí hoạt động của ABBANK đạt 1.871 tỷ đồng năm 2019, tăng 12,0% so với năm 2018. Tỷ lệ tổng chi phí hoạt động trên tổng thu nhập hoạt động giảm nhẹ từ 57,3% trong năm 2018 xuống 51,4% trong năm 2019. Lương và các chi phí liên quan cho nhân viên chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng chi phí hoạt động hàng năm (năm 2019 là 46,9% so với 47,6% năm 2018). ABBANK tối ưu hóa chi phí bằng cách tận dụng hiệu quả các kênh ngân hàng điện tử và ngân hàng số, vốn có chi phí vận hành thấp hơn cho mỗi giao dịch và cũng giúp Ngân hàng tiếp cận khách hàng với chi phí thấp hơn.

6.1.6 Lợi nhuận trước thuế

Hình 6: Lợi nhuận trước thuế của ABBANK qua các năm

Đơn vị tính: tỷ đồng

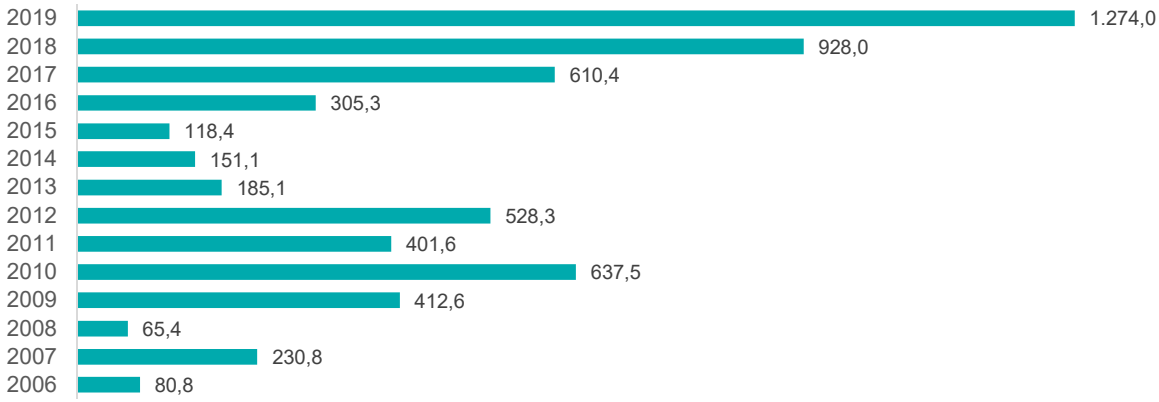

Nguồn: ABBANK

Khép lại năm 2019, lợi nhuận trước thuế của Ngân hàng đạt 1.274 tỷ đồng, tăng 346 tỷ đồng, tương đương tốc độ tăng 37% so với năm 2018. Mức tăng ấn tượng của lợi nhuận trước thuế là kết quả của việc gia tăng thu nhập hoạt động kết hợp với các biện pháp kiểm soát chi phí chặt chẽ.

6.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Ngân hàng

Hoạt động của ABBANK trong năm 2018 và năm 2019 chịu ảnh hưởng bởi hai nhóm nhân tố chính, bao gồm nhóm các nhân tố bên trong và nhóm các nhân tố bên ngoài. Cả hai nhóm nhân tố này sẽ tác động đến ABBANK theo cả hai chiều, có thể mang lại thuận lợi nhưng cũng có thể sẽ tạo ra khó khăn.

6.2.1 Khó khăn

Việt Nam đã tham gia Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương ("CPTPP"), Cộng đồng Kinh tế chung ASEAN ("AEC") và các Hiệp định tự do thương mại với các đối tác trên thế giới. Hội nhập kinh tế sâu trong phạm vi khu vực và toàn cầu mang đến nhiều cơ hội nhưng cũng không ít thách thức:

- Việc mở cửa thị trường tài chính làm tăng số lượng các ngân hàng có tiềm lực mạnh về tài chính, công nghệ và trình độ quản lý, áp lực cạnh tranh cũng tăng dần theo lộ trình nới lỏng các quy định đối với các tổ chức tài chính nước ngoài, đặc biệt là các quy định về mở chi nhánh và các điểm giao dịch, phạm vi hoạt động, hạn chế về đối tượng khách hàng và tiền gửi được phép huy động, khả năng mở rộng dịch vụ ngân hàng. Trong khi các tổ chức tài chính Việt Nam còn nhiều hạn chế: trình độ chuyên môn và trình độ quản lý còn bất cập, hiệu quả hoạt động và sức cạnh tranh thấp. Nguy cơ mất dần lợi thế cạnh tranh về quy mô,

khách hàng và hệ thống kênh phân phối. Mở cửa thị trường tài chính trong nước cũng làm tăng rủi ro do những tác động từ bên ngoài, cơ hội tận dụng chênh lệch tỷ giá, lãi suất giữa thị trường trong nước và thị trường quốc tế giảm dần. Hệ thống ngân hàng Việt Nam cũng phải đối mặt với các cơn sốc kinh tế, tài chính quốc tế và nguy cơ khủng hoảng. Trong trường hợp đó, thị trường vốn chưa phát triển sẽ khiến hệ thống ngân hàng phải chịu mức độ thiệt hại lớn hơn do rủi ro gây nên.

- Trong bối cảnh đó, thể chế của hệ thống ngân hàng tại Việt Nam còn một số bất cập, hệ thống pháp luật về ngân hàng còn thiếu đồng bộ. Quy trình quản trị trong các tổ chức tín dụng nói chung vẫn chưa phù hợp với các nguyên tắc và chuẩn mực quốc tế.

6.2.2 Thuận lợi

Bên cạnh những khó khăn được đề cập ở trên, thì tình hình kinh tế vĩ mô cũng có một số thuận lợi tạo điều kiện cho các doanh nghiệp phát triển, trong đó có ABBANK:

- Tăng trưởng kinh tế tiếp tục được ghi nhận ở mức ổn định và đạt 7,0% trong năm 2019. Tính chung cả năm 2019, chỉ số giá tiêu dùng ("CPI") đã tăng 2,7% so với cuối năm 2018, mức tăng thấp nhất trong 3 năm qua (nguồn: Tổng cục Thống kê). Việc ổn định nền kinh tế trong năm 2019 là kết quả của quá trình tái cơ cấu, chuyển dịch cơ cấu kinh tế đúng hướng, hiệu quả, cải thiện môi trường kinh doanh và phát huy tích cực vai trò Nhà nước kiến tạo.
- Hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng là cơ hội để nhiều tập đoàn kinh tế lớn trên thế giới tìm đến Việt Nam để đầu tư. Kết quả là thu hút FDI của Việt Nam liên tục duy trì mức tăng trưởng ấn tượng trong những năm gần đây. Do đó, các dịch vụ ngân hàng đi kèm như thanh toán quốc tế, mua bán ngoại tệ, L/C, v.v. sẽ được hưởng lợi từ xu thế này.
- Hội nhập quốc tế cũng sẽ tạo cơ hội nâng cao năng lực và hiệu quả điều hành và thực thi chính sách tiền tệ; đổi mới cơ chế kiểm soát tiền tệ, lãi suất, tỉ giá theo nguyên tắc thị trường; cho phép các ngân hàng cơ hội trao đổi thông tin và ngăn ngừa rủi ro, qua đó hạn chế biến động của thị trường quốc tế và đảm bảo an toàn cho hệ thống ngân hàng Việt Nam. Đổi lại, hệ thống ngân hàng thương mại và thị trường tiền tệ hoạt động an toàn và hiệu quả sẽ tạo thuận lợi cho việc nâng cao hiệu lực và hiệu quả của các chính sách tiền tệ; thúc đẩy cải cách thể chế, hoàn thiện hệ thống pháp luật và nâng cao năng lực hoạt động của các cơ quan quản lý tài chính.

Quá trình tái cơ cấu ngành ngân hàng, xử lý nợ xấu đạt được nhiều thành công:

- Sau giai đoạn đầu của quá trình tái cơ cấu hệ thống ngân hàng thì đến nay về cơ bản các ngân hàng đã và đang trên đà tăng trưởng trở lại. Kết quả này có được là nhờ có sự chỉ đạo quyết liệt của NHNN trong việc xử lý nợ xấu và các ngân hàng yếu kém.
- Trong các năm qua, ABBANK tiếp tục tập trung vào việc quản trị rủi ro tín dụng với những nỗ lực lớn trong việc quản lý nợ xấu. Tỷ lệ nợ xấu của ABBANK luôn thấp hơn mức quy định của NHNN.
- Thu nhập hoạt động cũng tăng 24,9% so với năm 2018, trong đó thu nhập lãi thuần chiếm 68,1%, Lãi thuần từ dịch vụ khoảng 5,3% và Lãi thuần từ các hoạt động khác chiếm 26,6%.

7 Vị thế của ABBANK

7.1 Triển vọng phát triển của ngành

Ngành ngân hàng Việt Nam đang trải qua giai đoạn tăng trưởng nhanh chóng, với mức tăng trưởng cao nhất so với ngành ngân hàng ở các quốc gia ASEAN khác.

Sự phát triển của ngành ngân hàng được hỗ trợ bởi các chỉ số kinh tế vĩ mô tích cực tại Việt Nam, với dân số trẻ chuyển dịch dần từ hoạt động nông nghiệp sang làm việc tại các ngành sản xuất và dịch vụ, tốc độ đô thị hóa ngày càng nhanh, tăng trưởng tầng lớp trung lưu, thu nhập và chi tiêu tăng nhanh và thu nhập khả dụng cũng có xu hướng đi lên. Số lượng người có tài khoản ngân hàng cũng tăng lên nhanh chóng, tương tự số lượng thẻ ngân hàng do các ngân hàng phát hành và số lượng giao dịch không dùng tiền mặt thông qua ATM và POS cũng tăng cao.

Bên cạnh đó, tỷ lệ dân số tiếp cận được các dịch vụ ngân hàng tại Việt Nam đang ở mức thấp so với các nước trong khu vực Đông Nam Á. Hình số 13 cho thấy số lượng các điểm giao dịch ngân hàng trên 100.000 người năm 2018 ở Việt Nam là 3,8 chỉ gần bằng khoảng 1/4 so với Indonesia (16,2). Ngoài ra, tỷ lệ sử dụng các sản phẩm tài chính của Việt Nam vẫn còn rất thấp (cho vay cầm cố - khoảng 6% GDP, thẻ tín dụng – khoảng 5%, bảo hiểm nhân thọ - khoảng 1% và cho vay mua ôtô – khoảng 1%. Chính điều này cho thấy có rất nhiều cơ hội cho sự phát triển của ngành ngân hàng nói chung và ABBANK nói riêng.

Hình 7: Số lượng các điểm giao dịch ngân hàng (trên 100.000 người) tại một số quốc gia năm 2019

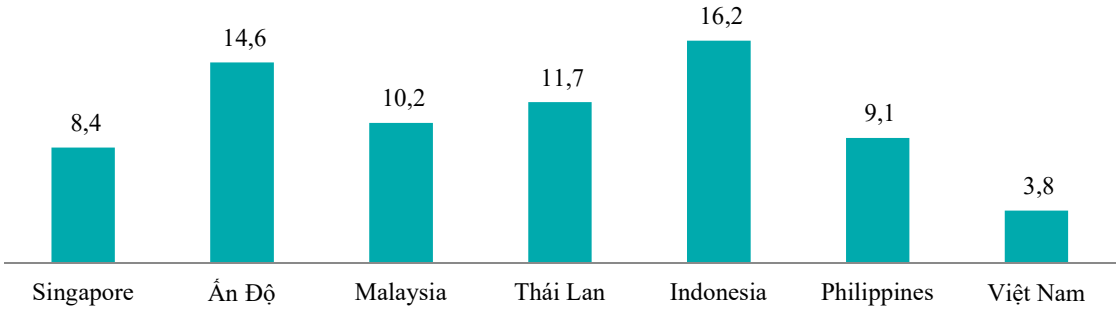

Nguồn: Worldbank

Ngành ngân hàng được hưởng lợi từ tỷ lệ thâm nhập internet cao và tỷ lệ sở hữu điện thoại thông minh cao tại Việt Nam. Bằng việc áp dụng các giải pháp công nghệ trong hoạt động, các ngân hàng đang ngày càng tiếp cận nhanh chóng tới nhóm dân số chưa sử dụng dịch vụ ngân hàng với chi phí thấp hơn so với việc thành lập và mở các chi nhánh ngân hàng tại các vùng sâu vùng xa bên ngoài thành phố lớn.

Nhìn chung, sự tăng trưởng của Việt Nam tiếp tục được hỗ trợ bởi các khoản đầu tư vào nền kinh tế từ các công ty nước ngoài và trong nước, tăng trưởng xuất khẩu, việc tham gia vào các hiệp định thương mại, đầu tư với các nước trong khu vực và trên toàn cầu, đầu tư vào cơ sở hạ tầng.

Số lượng doanh nghiệp được thành lập tại Việt Nam (bao gồm các doanh nghiệp vừa và nhỏ) ngày càng gia tăng. Ngành ngân hàng được hưởng lợi từ bối cảnh này do nhu cầu tín dụng ngày càng gia tăng, vì một số lượng lớn các công ty dựa vào nguồn vốn vay từ ngân hàng.

Sức ép tập trung vào một số sản phẩm và kỳ hạn nhất định sẽ làm tăng áp lực cạnh tranh đối với các tổ chức tín dụng tại Việt Nam năm 2019. Điều đó sẽ khiến biên lợi nhuận của các tổ chức tín dụng này tiếp tục bị thu hẹp, trong khi vẫn tiếp tục phải đối mặt với áp lực trích lập dự phòng để xử lý các tài sản có chất lượng thấp tồn đọng từ trước đó. Ngược lại, các tổ chức tín dụng có năng lực tốt có thể sẽ tận dụng cơ hội này để tiếp tục mở rộng hoạt động và đáp ứng nhu cầu ngày càng lớn và càng phức tạp của khách hàng.

Nền kinh tế vĩ mô của Việt Nam đang dần được cải thiện thông qua việc lạm phát thấp, đồng tiền ổn định. Chính điều này sẽ giúp cho chất lượng tài sản và thanh khoản của hệ thống ngân hàng sẽ vững vàng hơn. Đặc biệt, với sự quyết liệt trong hành động của Chính phủ trong việc lành mạnh hóa hệ thống ngân hàng trong thời gian vừa qua sẽ giúp cho cả hệ thống an toàn và phát triển bền vững hơn.

Một trong những chính sách quan trọng là việc áp dụng Hiệp ước vốn Basel II. Hiệp ước này sử dụng khái niệm "Ba trụ cột" bao gồm (i) vốn tối thiểu, (ii) giám sát và (iii) kỷ luật thị trường và công bố thông tin.

- Trụ cột thứ I liên quan tới việc duy trì vốn bắt buộc. Theo đó, tỷ lệ vốn bắt buộc tối thiểu (CAR) vẫn là 8% của tổng tài sản có rủi ro như Basel I. Tuy nhiên, rủi ro được tính toán theo ba yếu tố chính mà ngân hàng phải đối mặt: rủi ro tín dụng, rủi ro vận hành (hay rủi ro hoạt động) và rủi ro thị trường.

- Trụ cột thứ II liên quan tới việc hoạch định chính sách ngân hàng, Basel II cung cấp cho các nhà hoạch định chính sách những "công cụ" tốt hơn so với Basel I. Trụ cột này cũng cung cấp một khung giải pháp cho các rủi ro mà ngân hàng đối mặt, như rủi ro hệ thống, rủi ro chiến lược, rủi ro danh tiếng, rủi ro thanh khoản và rủi ro pháp lý, mà hiệp ước tổng hợp lại dưới cái tên rủi ro còn lại (residual risk).

- Trụ cột thứ III: các ngân hàng cần phải công khai thông tin một cách thích đáng theo nguyên tắc thị trường. Basel II đưa ra một danh sách các yêu cầu buộc các ngân hàng phải công khai thông tin, từ những thông tin về cơ cấu vốn, mức độ đầy đủ vốn đến những thông tin liên quan đến mức độ nhạy cảm của ngân hàng với rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro vận hành và quy trình đánh giá của ngân hàng đối với từng loại rủi ro này.

Việc áp dụng Basel II giúp các ngân hàng hoạt động an toàn hơn, lành mạnh hơn do trình độ quản trị rủi ro được tăng cường, các biện pháp quản trị rủi ro, đặc biệt là mô hình rủi ro và xếp hạng nội bộ được chủ động áp dụng, đồng thời, nguồn vốn được quản lý một cách hiệu quả hơn. Trong lĩnh vực tín dụng, các ngân hàng sẽ phải chuyển hướng tập trung vào đánh giá mức độ tín nhiệm của khách hàng, thay vì dựa chủ yếu vào tài sản bảo đảm. Hơn nữa, sau khi áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế về an toàn vốn và thanh khoản, hệ thống ngân hàng Việt Nam sẽ thu hút nhiều nhà đầu tư nước ngoài hơn do ngân hàng hoạt động kinh doanh trong môi trường đạt tiêu chuẩn quốc tế.

Tuy nhiên, để thực hiện đúng lộ trình của Basel II thì các ngân hàng sẽ chịu áp lực tối ưu hóa nguồn vốn của Ngân hàng và nâng cao chất lượng tài sản có rủi ro nhằm mục tiêu đảm bảo hệ số CAR theo quy định, đặc biệt là ba ngân hàng quốc doanh (BIDV, Vietinbank và Vietcombank). Bên cạnh đó, nợ xấu cũng là một vấn đề cần chú ý, cụ thể theo hãng xếp hạng tín dụng Fitch thì khối lượng nợ xấu lớn sẽ cần thời gian dài để giải quyết do những cản trở về pháp lý. Hiện tại, việc xử lý nợ xấu vẫn là từ việc trích lập dự phòng. Việc giảm nợ xấu thông qua việc bán nợ xấu cho Công ty Quản lý tài sản ("VAMC") không được kỳ vọng là một công

cụ hiệu quả do (i) VAMC vẫn chưa có quyền định đoạt hoàn toàn đối với khoản nợ xấu và tài sản đảm bảo đi kèm, (ii) nguồn lực của VAMC quá nhỏ so với giá trị nợ xấu để mua nợ theo giá trị thị trường hoặc xử lý nợ xấu đã mua và (iii) các quy định liên ngành, đặc biệt liên quan đến vấn đề sở hữu tài sản đảm bảo là bất động sản.

Về lợi nhuận của các ngân hàng: Fitch dự báo lợi nhuận của các ngân hàng sẽ tiếp tục duy trì ở mức thấp do áp lực cạnh tranh huy động tiền gửi, định hướng giảm lãi suất cho vay và tăng tỷ trọng nguồn vốn trung dài hạn của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước. Chi phí trích lập dự phòng trái phiếu đặc biệt VAMC cao hơn cũng sẽ phần nào ảnh hưởng đến lợi nhuận. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng tín dụng đặc biệt tại các khoản cho vay bán lẻ với lãi suất cao có thể làm dịu đi áp lực từ những chi phí này.

7.2 Vị thế của ABBANK trong ngành

Năm 2018, ABBANK tự hào nhận giải thưởng Ngân hàng phát triển Bán lẻ tốt nhất Việt Nam 2018 năm thứ 3 liên tiếp và giải thưởng Ngân hàng Dịch vụ khách hàng tốt nhất Việt Nam 2018 do Tạp chí Global Banking and Finance Review trao tặng. Trong năm 2019, Ngân hàng tiếp tục được được Moody's duy trì đánh giá chung ở mức b1. Ngày 28/05/2019, ABBANK là 1 trong 7 Ngân hàng đầu tiên chuyển đổi thành công Thẻ Từ nội địa sang Thẻ Chip nội địa theo tiêu chuẩn VCCS của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

7.2.1 Hiệu quả hoạt động kinh doanh

Kết quả lợi nhuận sau thuế của ABBANK năm 2019 đạt 1.001 tỷ đồng với tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu bình quân ("ROE") của ABBANK trong năm 2019 đạt 13,6%.

Hình 8: Kết quả hoạt động kinh doanh của một số ngân hàng

Đơn vị tính: LNST (ngàn tỷ đồng); ROE (%)

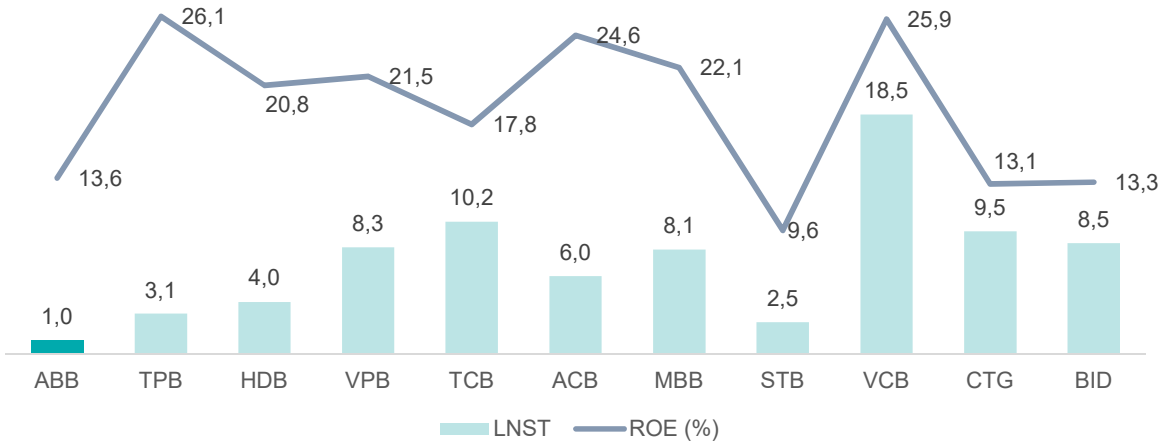

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2019 của các ngân hàng

7.2.2 Mảng hoạt động kinh doanh chính

Chỉ tiêu so sánh về Huy động vốn từ tiền gửi của khách hàng và Dư nợ cho vay của ABBANK so với 11 ngân hàng thương mại cổ phần đang niêm yết/ đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán Việt Nam như sau:

Hình 9: Dư nợ cho vay khách hàng của một số ngân hàng

Đơn vị tính: Dư nợ cho vay (ngàn tỷ đồng); Tỉ lệ nợ xấu (%)

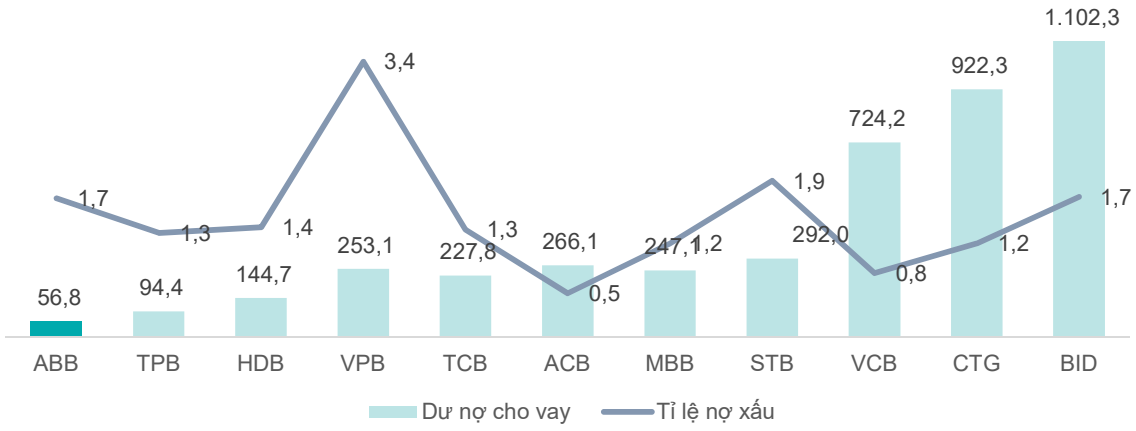

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2019 của các ngân hàng

Hình 10: Huy động vốn từ tiền gửi của khách hàng

Đơn vị tính: ngàn tỷ đồng

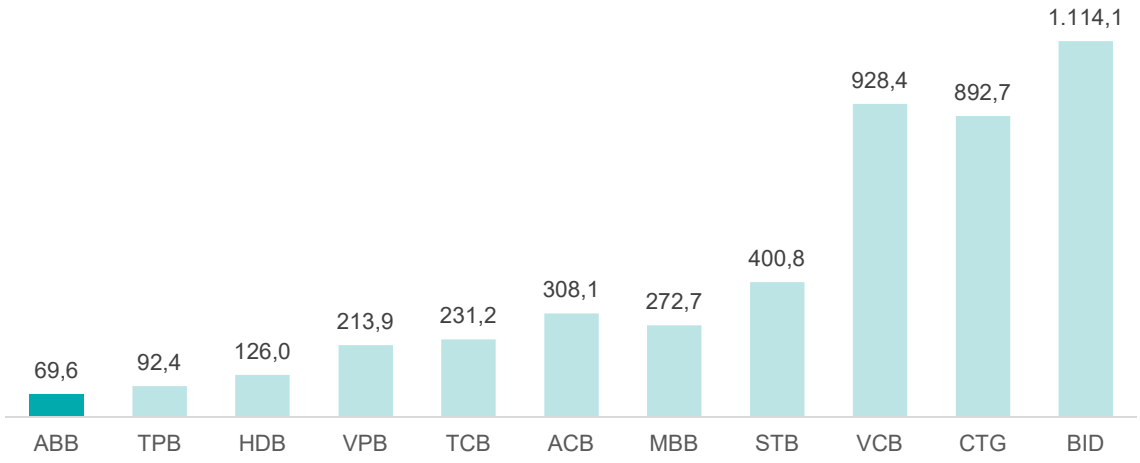

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2019 của các ngân hàng

7.2.3 Vị thế của ABBANK theo xếp hạng của các tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế

Theo công bố của tổ chức xếp hạng tín nhiệm Moody's tại thời điểm tháng 5/2020, ABBANK được Moody's đánh giá như sau:

Bảng 24: Xếp hạng tín nhiệm Moody's

Kết quả xếp hạng tín nhiệm (XHTN)	5/2020
XHTN Cơ sở (BCAs)	**b1**
XHTN Cơ sở điều chỉnh	b1
XHTN tiền gửi nội tệ và ngoại tệ dài hạn	B1
XHTN tổ chức phát hành nội tệ và ngoại tệ	B1

Nguồn: ABBANK

8 Chính sách đối với người lao động

8.1 Số lượng người lao động tại Ngân hàng

Tại thời điểm 31/12/2018, 31/12/2019 và 30/09/2020, tổng số người lao động tại ABBANK được phân loại như sau:

Bảng 25: Phân loại lao động tại ABBANK

Tiêu chí phân loại	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
Theo trình độ học vấn	**3.840**	**3.969**	**3.781**

Tiêu chí phân loại	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
Sau đại học	158	166	172
Đại học	3.086	3.202	3.065
Cao đẳng	283	288	256
Trung cấp	159	162	143
Khác	154	151	145
Theo loại hợp đồng lao động	**3.840**	**3.969**	**3.781**
Hợp đồng không xác định thời hạn	1.951	1.882	1.930
Hợp đồng có xác định thời hạn	1.593	1.872	1.735
Thời vụ, thử việc	296	215	116

Nguồn: ABBANK

8.2 Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp/phúc lợi

8.2.1 Chính sách đào tạo và phát triển

Công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực là một trong những ưu tiên chiến lược của ABBANK nhằm đáp ứng sự phát triển của Ngân hàng với chiến lược tập trung vào lĩnh vực bán lẻ. Các mục tiêu trọng tâm được chú trọng tại Ngân hàng trong công tác đào tạo bao gồm: Phát triển năng lực lãnh đạo, chuẩn hóa đội ngũ, xây dựng đội ngũ kế cận, nâng cao năng lực bán hàng và quản lý kinh doanh.

Các chương trình đào tạo nhằm mục tiêu chuẩn hóa và nâng cao năng lực cho đội ngũ, trong đó ưu tiên chuẩn bị cho cán bộ quản lý thích nghi với sự thay đổi. Cụ thể một số hoạt động, chương trình, dự án trong năm 2019 đã thực hiện là:

- Tổ chức trên 605 khóa đào tạo với các hình thức khác nhau như đào tạo lớp học, e-learning, sinh hoạt chuyên môn, kèm cặp và huấn luyện.
- Ban hành thông báo của Tổng Giám đốc về chỉ tiêu đào tạo áp dụng với toàn bộ CBNV năm 2019.
- Ban hành thông báo của Tổng Giám đốc về các kế hoạch triển khai đào tạo các chương trình chi tiết trong năm 2019, đặc biệt là đào tạo nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ, tăng cường năng lực của đội ngũ GĐ ĐVKD và QHKH toàn hệ thống.

- Các chương trình dành cho Lãnh đạo – Quản lý, ABBANK Talents và nhóm kế cận:
    - Hoàn thành đào tạo & báo cáo tốt nghiệp cho các Giám đốc đơn vị kinh doanh cấp 3 – 4 với chương trình các kỹ năng quản lý đơn vị kinh doanh cơ bản.
    - Đã hoàn thành đào tạo và công nhận tốt nghiệp cho lớp Giám đốc kế cận nhằm phục vụ cho đội ngũ quản lý kế thừa tại các đơn vị kinh doanh.
    - Thực hiện chương trình Study tour – Hành trình khám phá di sản dành cho các thành viên ABBANK Talents. Hiện chương trình được tiếp nối với nhiệm vụ của các thành viên là hoàn thành Bussiness plan cho chi nhánh ABBANK

ABBANK kiên định theo đuổi mục tiêu phát triển Cộng đồng học tập tại ABBANK, từng cán bộ nhân viên của ABBANK sẽ hiểu thấu đáo giá trị văn hóa "Sáng tạo có giá trị gia tăng" dịch chuyển thành sáng kiến, hành động làm mới thực tế.

ABBANK cũng chú trọng vào việc quảng bá các giá trị và văn hóa doanh nghiệp thông qua các chương trình đào tạo thường xuyên và các hoạt động bên ngoài Ngân hàng. Tất cả nhân viên mới của ABBANK đều được đào tạo, tập huấn trong đó có giới thiệu về các giá trị và chính sách của Ngân hàng. Các nhân viên hiện tại thì được cung cấp các khóa học thường xuyên và chuyên sâu, bao gồm các khóa học chuyên môn nhằm giúp nâng cao kỹ năng chuyên môn và đồng thời nâng cao kỹ năm mềm. ABBANK cũng đảm bảo rằng nhân viên có nhiều kênh truyền thông nội bộ để phản hồi, chẳng hạn như các hội thảo định kỳ với Đội ngũ quản lý, diễn đàn trực tuyến.

8.2.2 Chính sách lương, thưởng và trợ cấp, phúc lợi

Quỹ lương của ABBANK được phân bổ dựa trên nguyên tắc:

- Đảm bảo mức lương tối thiểu chi trả cho người lao động theo quy định của Nhà nước và ABBANK;
- Đảm bảo tính hệ thống trong việc phân bổ tiền lương, thu nhập giữa các đơn vị;
- Gắn phân phối tiền lương và chi trả tiền lương với hiệu quả kinh doanh và các chỉ tiêu kế hoạch;
- Đảm bảo tính cạnh tranh trên thị trường nhằm thu hút và giữ gìn nhân tài.

Thu nhập cố định của nhân viên ABBANK được xác định bao gồm lương; các khoản phụ cấp, trợ cấp, hỗ trợ theo vị trí công việc; các khoản thưởng khi đạt KPIs và thưởng thành tích công việc. Bên cạnh đó, ABBANK còn có Quỹ Thưởng kinh doanh – dựa trên hiệu quả kinh doanh

tổng thể của ABBANK – sẽ được trích và phân phối phù hợp nhằm đảm bảo kích thích hiệu quả làm việc của người lao động.

Chế độ làm việc của ABBANK đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật hiện hành. Người lao động được đóng đầy đủ các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, tham gia các hoạt động Công đoàn, nghỉ lễ và nghỉ phép, v.v. Chính sách trợ cấp và phúc lợi được thực hiện theo Quy định pháp luật hiện hành và Quy định của ABBANK từng thời kỳ tương ứng với đóng góp của CBNV. Ngoài ra, ABBANK còn có chính sách phát hành cổ phiếu cho CBNV chủ chốt nhằm khuyến khích tinh thần làm việc cũng như khuyến khích sự đóng góp của CBNV vào sự thành công chung của ABBANK.

Bảng 26: Tình hình thu nhập của CBCNV qua các năm

Thu nhập của CBCNV	Năm 2018	Năm 2019	Dự kiến Năm 2020
Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng)	16,2	16,8	16,8

Nguồn: ABBANK

9 Chính sách cổ tức

Trong hai năm 2018-2019, theo Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 25/4/2019 và 12/6/2020, ABBANK không thực hiện chia cổ tức và giữ lại toàn bộ lợi nhuận sau thuế để tích lũy tăng cường năng lực tài chính và nhu cầu phát triển của Ngân hàng trong những năm tới. Việc trả cổ tức năm 2020 – 2022 sẽ phụ thuộc vào kết quả kinh doanh, điều kiện thị trường và phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông cũng như các cơ quan quản lý nên sẽ chỉ được xác định vào từng thời điểm thực hiện cụ thể.

10 Tình hình tài chính

10.1 Nguyên tắc hạch toán kế toán:

Ngân hàng thiết lập các báo cáo tài chính hợp nhất bằng đồng Việt Nam (VND) theo Luật tổ chức tín dụng, Luật sửa đổi và bổ sung một số điều trong Luật các Tổ chức Tín dụng, các chuẩn mực kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán của các tổ chức tín dụng Việt Nam.

Những nguyên tắc chính:

- Năm tài chính của Ngân hàng bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
- Các báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở tổng hợp số liệu tương ứng trên báo cáo

tài chính của Ngân hàng và công ty con – Công ty TNHH Quản lý Nợ và khai thác tài sản.

- Các số dư nội bộ, giao dịch và lợi nhuận chưa thực hiện trên giao dịch nội bộ giữa các công
  ty con và Tập đoàn được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ, ngoại trừ trường hợp giao dịch thể hiện cụ thể sự giảm giá của tài sản được chuyển giao.

Dự phòng rủi ro tín dụng:

Việc tính dự phòng cụ thể được căn cứ trên tỷ lệ áp dụng cho từng nhóm nợ như sau:

Nhóm	Phân loại nợ	Tỷ lệ dự phòng cụ thể
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
2	Nợ cần chú ý	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
4	Nợ nghi ngờ	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

Nguồn: ABBANK

Dự phòng cụ thể được tính theo số dư các khoản cho vay tại ngày 31 tháng 12 hàng năm trừ đi giá trị của tài sản đảm bảo. Việc trích lập dự phòng tuân thủ theo quy định.

Tài sản

Khấu hao và hao mòn của Tài sản cố định hữu hình và Tài sản cố định vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nhà cửa và vật kiến trúc: 3 – 50 năm
- Máy móc thiết bị: 3 – 20 năm
- Phương tiện vận tải 3 – 10 năm
- Tài sản hữu hình cố định khác: 3 – 25 năm
- Phần mềm máy vi tính 3 – 8 năm
- Quyền sử dụng đất có thời hạn 20 – 50 năm
- Tài sản cố định vô hình khác 4 – 6 năm

Quyền sử dụng đất của Ngân hàng và các công ty con được Nhà nước giao không thời hạn thì không trích khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo thời gian sử dụng.

Ghi nhận thu nhập và chi phí

- Ngân hàng ghi nhận thu nhập từ lãi và chi phí lãi được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu, dự chi
- Các khoản phí dịch vụ và hoa hồng được hạch toán trên cơ sở dự thu, dự chi
- Cổ tức bằng tiền nhận được từ hoạt động đầu tư được ghi nhận là thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Ngân hàng và các công ty con được xác lập
- Các doanh thu khác được ghi nhận trên cơ sở thực thu

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến được thu hồi từ (hoặc phải nộp cho) cơ quan thuế, áp dụng mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Trích lập các quỹ

Ngân hàng thực hiện trích lập các quỹ dự trữ theo Luật các Tổ chức Tín dụng số 47/2010/QH12 và Nghị định số 93/2017/NĐ-CP và theo Điều lệ của Ngân hàng như sau:

	Tỷ lệ % của Lợi nhuận sau thuế	Mức tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung VĐL	5% Lợi nhuận sau thuế	100% VĐL
Quỹ dự phòng tài chính	10% Lợi nhuận sau thuế	Không quy định

10.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 27: **Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của ABBANK**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Hợp nhất	
		31/12/2018	31/12/2019
1. Quy mô vốn			
Vốn điều lệ	tỷ đồng	5.319	5.713
Tổng tài sản	tỷ đồng	89.998	102.557
Tỷ lệ an toàn vốn (CAR)*	%	12,82%	11,07%

2. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Tài sản có sinh lời/ Tổng tài sản có nội bảng	%	95,40%	96,00%
Nợ quá hạn**	%	3,99%	2,62%
Nợ xấu (NPL)**	%	1,65%	1,72%
3. Kết quả hoạt động kinh doanh			
Tiền gửi khách hàng	tỷ đồng	62.260	69.574
Tỷ suất lợi nhuận/Vốn CSH bình quân (ROAE)	%	11,0%	13,6%
Tỷ suất lợi nhuận/Tổng tài sản bình quân (ROAA)	%	0,8%	1,0%
Thu nhập ngoài lãi/Tổng thu nhập	%	30,00%	31,90%
Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/ Tổng số dư bảo lãnh	%	1,18%	0,24%
Nợ quá hạn**	tỷ đồng	2383	2000
Tỷ lệ nợ quá hạn/ Tổng dư nợ	%	3,99%	2,62%
Nợ khó đòi**	tỷ đồng	652	597
Tỷ lệ nợ khó đòi/ Tổng dư nợ	%	1,09%	0,78%
4. Khả năng thanh toán*			
Tỷ lệ dự trữ thanh khoản	%	21,32%	25,82%
Khả năng chi trả ngay trong vòng 30 ngày (VND)	%	50,76%	79,64%
Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn	%	40,16%	36,71%

Nguồn: ABBANK

Ghi chú:

(*): Áp dụng theo quy định Thông tư 36/2014/TT-NHNN ngày 20/11/2014 quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các văn bản sửa đổi bổ sung.

(**): Xác định theo quy định của Thông tư 02/2013/TT-NHNN về phân loại nợ và trích lập dự phòng và quy định của Thông tư 10/2014TT-NHNN về hệ thống tài khoản kế toán của tổ chức tín dụng;

Nợ quá hạn là khoản nợ mà một phần hoặc toàn bộ nợ gốc và/hoặc lãi đã quá hạn;

Nợ xấu (NPL) là nợ thuộc các nhóm 3, 4 và 5;
Nợ khó đòi là nợ thuộc nhóm 5;

Dựa trên bảng chỉ tiêu tóm tắt trong hai năm qua đã cho thấy ABBANK có sự tăng trưởng cả về quy mô lẫn kết quả hoạt động kinh doanh, cụ thể như sau:

- **Về quy mô**

Vốn điều lệ của ABBANK trong năm 2019 tăng so với năm 2018, từ mức 5.319 tỷ đồng lên 5.713 tỷ đồng. Trong khi đó, tổng tài sản của ABBANK đã tăng gần 14,0% so với năm 2018. Tuy tổng tài sản tăng mạnh đến chủ yếu từ cho vay khách hàng nhưng tỷ lệ an toàn vốn của ABBANK vẫn được kiểm soát rất tốt với chỉ số CAR đạt 11,07% trong năm 2019.

- **Về kết quả hoạt động kinh doanh**

Bên cạnh việc tăng trưởng tài sản thì ABBANK cũng đạt được kết quả lợi nhuận tốt trong năm 2019. Lợi nhuận sau thuế của ABBANK trong năm 2019 đạt 1.001 tỷ đồng, tăng 40,0% so với năm 2018. Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu bình quân và tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản bình quân trong năm 2019 lần lượt là 13,6% và 1,0%.

11 Tài sản

11.1 Tài sản cố định

Giá trị tài sản cố định theo báo cáo tài chính hợp nhất của ABBANK tại thời điểm 31/12/2019 và 30/09/2020 lần lượt như sau:

Bảng 28: Số dư tài sản cố định tại 31/12/2019

Chỉ tiêu	31/12/2019		
	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá (%)
Tài sản cố định hữu hình	**1.078**	**574**	**53,3%**
Nhà cửa, vật kiến trúc	487	398	81,8%
Máy móc, thiết bị	395	114	28,9%
Phương tiện vận tải	173	53	30,9%
Tài sản cố định khác	24	8	35,0%
Tài sản cố định vô hình	**595**	**376**	**63,2%**

Quyền sử dụng đất có thời hạn	230	227	98,7%
Phần mềm vi tính	364	149	40,8%
Tài sản cố định vô hình khác	1	-	0,0%
Tổng cộng	**1.674**	**950**	**56,8%**

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2019 của ABBANK

11.2 Tài sản có khác

Bảng 29: Tài sản có khác tại thời điểm 31/12/2018, 31/12/2019 và 30/09/2020

Đơn vị: triệu đồng

STT	Khoản mục	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
1	Các khoản phải thu	1.989.902	1.038.953	909.980
2	Các khoản lãi, phí phải thu	1.004.753	855.728	752.758
3	Tài sản có khác	609.845	1.389.566	1.405.750
4	Dự phòng rủi ro khác	(162.977)	(175.771)	(175.415)
	Tổng	**3.441.523**	**3.108.476**	**2.893.073**

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2019 và BCTC hợp nhất Quý 3-2020 của ABBANK

11.3 Danh sách một số khu đất thuộc sở hữu của ABBANK

Bảng 30: Danh mục một số khu đất lớn thuộc sở hữu của ABBANK

STT	Địa chỉ	Quyền sử dụng đất/Hợp đồng thuê đất	Mục đích sử dụng
1	170 Hai Bà Trưng, P. Đakao, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh	Giấy chứng nhận QSHNƠ & QSDĐƠ số 797602673700159 (101/2008/GCN-QSHNƠ& QSDĐƠ) do UBND TP. HCM cấp ngày 11/4/2008	Làm trụ sở ABBANK TP.HCM
2	Đúc, P. Đống Mác, Quận Hai Bà Trưng, TP.Hà Nội	1. Giấy chứng nhận QSHNƠ & QSDĐƠ số 4367-NĐ do UBND TP. Hà Nội cấp ngày 11/11/2008 – 50,5m2. 2. Giấy chứng nhận QSHNƠ & QSDĐƠ số 0157 do UBND TP. Hà Nội cấp ngày 01/02/1997 – 46,8m2.	Làm trụ sở ABBANK Lò Đúc
3	Số 25 Trần Hưng Đạo, Khóm 7, Phường 3, Thành phố Sóc Trăng	Giấy chứng nhận QSDĐ số AP 593509 (Sổ đỏ) do UBND Tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 31/7/2009	Làm trụ sở ABBANK Sóc Trăng
4	222-224 Hùng Vương, Phường 2, TP. Tân An, Tỉnh Long An	Giấy chứng nhận QSDĐ & QSHNƠ và TSKGLVĐ số BC 110048 (CT 02482) do UBND Tỉnh Long An cấp ngày 15/7/2010	Làm trụ sở ABBANK Long An
5	255 Lê Duẩn, P. Tân Chính, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng	Giấy chứng nhận QSDĐ & QSHNƠ và TSKGLVĐ số BA 645038 (CT 00973) do UBND Tỉnh Đà Nẵng cấp ngày 02/8/2010	Làm trụ sở ABBANK Đà Nẵng

6	370 Lê Hồng Phong, Phường 3, Thành phố Vũng Tàu	Giấy chứng nhận QSHNƠ & QSDĐƠ số 7201030726 (1727/2003) do UBND TP. Vũng Tàu cấp ngày 22/10/2003	Làm trụ sở ABBANK Vũng Tàu
7	268-270 đường Trần Hưng Đạo, Phường Bình Hưng, Tp. Phan Thiết	Giấy chứng nhận QSHNƠ & QSDĐƠ số 605932293900703 (hồ sơ gốc: 5154/QD-UBND.03) do UBND Tỉnh Bình Thuận cấp ngày 26/6/2008	Làm trụ sở ABBANK Bình Thuận
8	Bản Hua Mường, xã Sốp Cộp, huyện Sốp Cộp, Tỉnh Sơn La	Giấy chứng nhận QSDĐ & QSHNƠ và TSKGLVĐ số BE 700963 (T00018) do UBND Tỉnh Sơn La cấp ngày 24/4/2012	Làm trụ sở ABBANK Sốp Cộp
9	Tiểu khu 4, thị trấn Hát Lót, Huyện Mai Sơn, Tỉnh Sơn La	Giấy chứng nhận QSDĐ & QSHNƠ và TSKGLVĐ số BE 700966 (T00021) do UBND Tỉnh Sơn La cấp ngày 02/05/2012.	Làm trụ sở ABBANK Mai Sơn
10	Phường Phú Hòa, Thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương	Giấy chứng nhận QSDĐ & QSHNƠ và TSKGLVĐ số BO 594941 (CT04475) do UBND Tỉnh Bình Dương cấp ngày 01/7/2013	Làm trụ sở ABBANK Bình Dương
11	Số 26 Hà Nội, Phường Phú Nhuận, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế.	Giấy chứng nhận QSDĐ & QSHNƠ và TSKGLVĐ số BK 727693 (CT01813) do UBND Tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 02/10/2012	Làm trụ sở ABBANK Thừa Thiên Huế

12	450 Chu Văn Thịnh, Tổ 12, Phường Chiềng Lề, TP. Sơn La, Tỉnh Sơn La	Giấy chứng nhận QSDĐ QSHNƠ &TSKGLVĐ số CN 102053 (CT00535) QĐ số 2276/QĐ –UBND tỉnh Sơn La cấp ngày 18/9/2018	Làm trụ sở ABBANK Sơn La
13	Số 154 đường Trần Huy Liệu, tiểu khu 9, Thị trấn Mộc Châu, Huyện Mộc Châu, Tỉnh Sơn La	Giấy chứng nhận QSDĐ & QSHNƠ và TSKGLVĐ số CD573765 do UBND Tỉnh Sơn La cấp ngày 12/12/2016	Làm trụ sở ABBANK Mộc Châu
14	Số nhà 180, đường Cách Mạng Tháng 8, Tổ 11, Thị trấn Sông Mã, Huyện Sông Mã, Tỉnh Sơn La	Giấy chứng nhận QSDĐ & QSHNƠ và TSKGLVĐ số CD363451 do UBND Tỉnh Sơn La cấp ngày 11/03/2016	Làm trụ sở ABBANK Sông Mã
15	Lô 3+4 tòa A8, Khu đô thị An Bình City, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội	1. Giấy chứng nhận QSDĐ, QSHNƠ và TSKGLVĐ số CY538319, hạng mục công trình sàn thương mại CT2A-1-6.1 Số và sổ cấp GCN : CT-DA.01887 do STNMT TP.HN cấp ngày 24/09/2020 2. Giấy chứng nhận QSDĐ, QSHNƠ và TSKGLVĐ số CY538318, hạng mục công trình sàn thương mại CT2A-2-6.2 Số và sổ cấp GCN : CT-DA.01886 do STNMT TP.HN cấp ngày 24/09/2020	Làm trụ sở ABBANK Nam Thăng Long

16	Tầng 1 tòa nhà Gemek Tower, Lô A44-HH2, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, đường Lê Trọng Tấn, Phường An Khánh, Huyện Hoài Đức, TP. Hà Nội	Văn bản chuyển nhượng hợp đồng quyền khai thác diện tích thương mại số: T1-010203.1/2017/HĐCN-HH2/GELEXIMCO ngày 25/12/2017	Làm trụ sở ABBANK An Khánh
17	(Thuộc thửa đất số 341 tờ bản đồ số 12, diện tích 1.500,0m2; giấy chứng nhận quyền sử dụng dất số CH 537440 ngày 28/12/2017) tại đường Lê Nin, Phường Hưng Dũng, thành phố Vinh	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 537440 (có nhà vườn 301 m2)	Làm trụ sở ABBANK Nghệ An

Nguồn: ABBANK

12 Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

12.1 Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2020 – 2021

Bảng 31: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2020 – 2021

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2019	2020		2021***	
	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2019	Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2020
Vốn điều lệ	5.713	5.713	0%	-	-
Tổng thu nhập hoạt động	3.618	4.259	17,7%		
Dư nợ tín dụng (*)	63.028	69.646	10,5%	-	-
Lợi nhuận trước thuế	1.229	1.358	10,5%	-	-
Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế/Tổng thu nhập hoạt động (%)	34,0%	31,9%	-	-	-

Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế/ Vốn điều lệ (%)	21,5%	23,8%	-	-	-
Cổ tức (**)	0%	-	-	-	-

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 12/6/2020 ABBANK

(*) Số liệu đã bao gồm TPDN và dự kiến kế hoạch phụ thuộc vào thực tế và phê duyệt của cơ quan quản lý.

(**) việc trả cổ tức phụ thuộc vào kết quả kinh doanh, điều kiện thị trường và phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông cũng như các cơ quan quản lý nên sẽ chỉ được xác định vào từng thời điểm cụ thể thực hiện.

(***) Ngân hàng chưa có kế hoạch cho năm 2021

Mặc dù tình hình dịch bệnh Covid-19 đã có những diễn biến phức tạp và có những ảnh hưởng đến tình hình kinh doanh của Ngân hàng, sau 9 tháng đầu năm, tổng thu nhập hoạt động và lợi nhuận trước thuế lần lượt đạt 2.578 tỷ đồng và 946 tỷ đồng, tương ứng với 57% và 70% so với kế hoạch cả năm 2020 mà Ngân hàng đề ra. Với kết quả này, Ngân hàng đánh giá sẽ hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh đã đề ra cho năm 2020.

12.2 Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Trong bối cảnh các Ngân hàng đang gặp nhiều khó khăn để đảm bảo yêu cầu của NHNN theo Thông tư 41/2016/TT-NHNN về tỷ lệ an toàn vốn (CAR), tỷ lệ CAR của ABBANK hiện ở mức an toàn và còn nhiều dư địa để tăng trưởng mà chưa cần bổ sung thêm nguồn vốn mới ngay lập tức.

Bên cạnh đó, ngay từ khi triển khai các yêu cầu của Basel, ABBANK đã thực hiện rà soát danh mục tín dụng, đầu tư theo hướng tối ưu hiệu quả theo rủi ro.

ABBANK cũng sớm định hướng tập trung vào phân khúc bán lẻ và thực hiện việc chuyển đổi số để nhằm tối ưu cấu trúc doanh thu của Ngân hàng theo hướng tăng trưởng các nguồn thu ngoài lãi và tập trung vào thu nhập từ lãi của các hoạt động lõi.

Song song với những định hướng chiến lược về phát triển kinh doanh, Ngân hàng thực hiện chuyển đổi số toàn hàng theo hướng tinh giản và tự động hóa các quy trình để tối ưu hiệu quả hoạt động.

Từ các hoạt động để đẩy mạnh doanh thu, tối ưu chi phí và rà soát danh mục đảm bảo hiệu quả theo rủi ro, ABBANK hoàn toàn có cơ sở đạt được các mục tiêu lợi nhuận đầy thách thức của HĐQT.

13 Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Ngân hàng

Bảng 32: Các khoản công nợ tiềm ẩn và cam kết

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/9/2020
Cam kết giao dịch hối đoái	**61.487**	**98.781**	**88.534**
Cam kết mua ngoại tệ	*4.286*	*5.590*	7.519
Cam kết bán ngoại tệ	*4.289*	*5.593*	7.517
Cam kết giao dịch hoán đổi	*52.912*	*87.598*	73.498
Cam kết trong nghiệp vụ thư tín dụng	**285**	**546**	**728**
Cam kết cho vay không hủy ngang	**42**	**33**	**35**
Bảo lãnh khác	**5.610**	**4.342**	**4.174**
Cam kết khác	**2.559**	**2.554**	**2.552**
Tổng nghĩa vụ nợ tiềm ẩn và các cam kết đưa ra	**69.984**	**106.257**	**96.024**

Nguồn: ABBANK

Bảng 33: Phát hành trái phiếu ABBANK

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Kỳ hạn còn lại	Năm 2018	Năm 2019	30/9/2020
1	Dưới 1 năm	200	1.270	0
2	Từ 1 năm đến dưới 3 năm	1.270	3.500	800
3	Từ 3 năm đến dưới 5 năm	0	0	0
4	Từ 5 năm trở lên	400	400	400
	Tổng mệnh giá	**1.870**	**5.170**	**1.200**

Nguồn: ABBANK

14 Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

Tháng 7/2020, HĐQT đã thông qua 5 mục tiêu chiến lược giai đoạn 2020 – 2025 của ABBANK bao gồm: Top 8 ROE trong số các ngân hàng TMCP tư doanh; Thu nhập từ bán

lẻ (bao gồm cá nhân và SMEs) chiếm tối thiểu 70% thổng thu nhập thuần từ Thị trường 1, và thu từ dịch vụ trong nước và quốc tế (bao gồm phí bảo lãnh và kinh doanh ngoại tệ) chiến tối thiểu 20% Tổng thu nhập thuần; Thu hút và đạt mốc 2 triệu khách hàng cá nhân có giao dịch; Số lượng sản phẩm bình quân sử dụng trên 1 khách hàng cá nhân tối thiểu là 3 sản phẩm; Quản trị doanh nghiệp hiện đại theo chuẩn mực quốc tế.

Để thực hiện 5 mục tiêu chiến lược trên, ABBANK đề ra các nhóm giải pháp kinh doanh gồm: Khai thác sâu KHDN và thiết kế các chuỗi khách hàng SME, KHCN; Xây dựng và tư vấn các sản phẩm tài chính cấu trúc cho KHDN để tăng thu phí dịch vụ; Quy hoạch lại phân khúc khách hàng cho khách hàng SME và KHCN tại từng địa phương với sản phẩm đặc thù, phù hợp với nhu cầu của khách hàng; Tăng cường thu dịch vụ bán lẻ từ nhóm khách hàng SME (bảo lãnh chuyển tiền, thu hộ, online banking) và nhóm khách hàng cá nhân (sản phẩm đầu tư, chuyển tiền, thẻ, bảo hiểm);… Đi cùng với đó là nhóm giải pháp hỗ trợ cho kinh doanh như: Chuẩn hóa hệ thống KPI cho từng chức danh gắn với mục tiêu chiến lược của Ngân hàng, thực hiện chi trả lương/thưởng theo hiệu suất kinh doanh của từng Khối, từng đơn vị; Chuyển dịch nguồn lực sang bán hàng; Quy hoạch lại mô hình tổ chức ĐVKD và các khối Hội sở theo hướng lấy khách hàng làm trung tâm; Tối ưu hóa quy trình để phục vụ khách hàng một cách nhanh chóng; Ứng dụng Digital Banking vào phục vụ và phát triển khách hàng (Internet Banking và Mobile Banking);…

15 Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Ngân hàng

Không có[1]

II. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1 Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị hiện tại của Ngân hàng bao gồm 7 (bảy) thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên tối đa là 05 năm, và có thể được bầu lại khi hết nhiệm kỳ.

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị có toàn quyền nhân danh ABBANK để quyết định, thực hiện các quyền, nghĩa vụ của ABBANK, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ nhằm đạt được những mục tiêu chiến lược của ABBANK, hướng đến thành công lâu dài của ABBANK và mang đến những giá trị bền vững cho khách hàng.

[1] Ngoại trừ các thủ tục tố tụng do Ngân hàng tiến hành nhằm thu hồi nợ liên quan đến nghiệp vụ cấp tín dụng và xử lý nợ của Ngân hàng.

1.1 Danh sách thành viên Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Ghi chú
Ông Đào Mạnh Kháng	1969	Chủ tịch HĐQT	Thành viên HĐQT không điều hành
Ông Vũ Văn Tiền	1959	Phó Chủ tịch HĐQT	Thành viên HĐQT không điều hành
Bà Iris Fang	1952	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT không điều hành
Ông Soon Su Long	1968	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT không điều hành
Ông Lưu Văn Sáu	1955	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT độc lập
Ông Nguyễn Danh Lương	1957	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT độc lập
Ông Jason Lim Tsu Yang	1983	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT không điều hành

Nguồn: ABBANK

1.2 Sơ yếu lý lịch các thành viên Hội đồng Quản trị

1.2.1 Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông Đào Mạnh Kháng – Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Họ và tên:	**Đào Mạnh Kháng**
Giới tính:	Nam
Ngày sinh:	19/01/1969
Nơi sinh :	Tiền Hải, Thái Bình
Số CMND:	034069002308, ngày cấp 15/4/2016, nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú & DLQG về dân cư
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	Số nhà 17, ngõ 61, Thái Thịnh, Phường Thịnh Quang, Quận Đống Đa, Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ kinh tế

Quá trình công tác:

- ✓ *Từ 7/1990 đến 1995* — *Kế toán Công ty Gạch bông Bách Khoa*
- ✓ *Từ 1995 đến 01/2007* — *Kế toán trưởng Công ty liên doanh Sản xuất phụ tùng ô tô xe máy*
- ✓ *Từ 03/2007 đến 4/2018* — *Phó Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT Công ty CP XNK Tổng hợp Hà Nội (Nay là Tập đoàn Geleximco – Công ty CP)*
- ✓ *Từ 2016 đến 4/2018* — *Phó Chủ tịch HĐQT ABBANK*
- ✓ *Từ 4/2018 đến nay* — *Chủ tịch HĐQT ABBANK*

Các chức vụ công tác hiện nay:

- ✓ *Chức vụ đang nắm giữ tại ABBANK:* *Chủ tịch Hội đồng Quản trị*
- ✓ *Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:* Không

Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 30/10/2020): 4.653.902 cổ phần, chiếm 0,81% vốn điều lệ

- ✓ *Đại diện sở hữu* 0
- ✓ *Cá nhân sở hữu:* 4.653.902 *cổ phần,* chiếm 0,81% vốn điều lệ

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của ABBANK:

STT	Tên người có liên quan	Số CMND, Ngày cấp, Nơi cấp	Mối quan hệ	Sở hữu cổ phần của người có liên quan	
				Số lượng CP nắm giữ (CP)	Tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ của ABBANK (%)
1	Đào Xuân Trang	034059000101, Cấp ngày 24/7/2014, Cục CS ĐKQL CT và DLQG về dân cư	Anh ruột	38.493	0,01
2	Vũ Thị Là	012398502, Cấp ngày 05/9/2009, Hà Nội	Chị dâu	46.756	0,01

3	Vũ Văn Tiền	034059003584, Cấp ngày 10/5/2019, Cục CS QLHC về TTXH	Anh vợ	2.125.831	0,37
4	Vũ Văn Hậu	012296299, 18/8/2011, Hà Nội	Anh vợ	11.373.739	1,99
5	Vũ Thị Nhung	034164000026, 04/6/2014, Cục CSĐKQLCT và DLQG về dân cư	Chị vợ	177.394	0,03

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không có

Lợi ích liên quan đối với ABBANK: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với ABBANK: Không có

1.2.2 Thành viên Hội đồng Quản trị

a. Ông Vũ Văn Tiền – Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Họ và tên: **Vũ Văn Tiền**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 10/05/1959

Nơi sinh : Thái Bình

Số CMND: 034059003584, ngày cấp 10, nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 64 Nguyễn Lương Bằng, Đống Đa, Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế hoạch KTQĐ – Đại học kinh tế quốc dân

Quá trình công tác:

- ✓ *Từ 1986 đến 1992* *Cán bộ Tổng Công ty Vật tư Nông nghiệp Hà Nội;*

✓ *Từ 1992 đến 2007*	*Giám đốc Công ty TNHH XNK Tổng Hợp Hà Nội;*
✓ *Từ 2007 đến nay*	*Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP XNK Tổng hợp Hà Nội (nay là Tập đoàn Geleximco – Công ty CP*
✓ *Từ 2005 đến 24/4/2018*	*Chủ tịch HĐQT ABBANK*
✓ *Từ 25/4/2018 đến nay*	*Phó Chủ tịch HĐQT ABBANK*

Các chức vụ công tác hiện nay:

✓ *Chức vụ đang nắm giữ tại ABBANK:*	*Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị*
✓ *Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:*	✓ *Tập đoàn Geleximco – công ty Cổ phần: Chủ tịch HĐQT – TGĐ* ✓ *Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình: Chủ tịch HĐQT* ✓ *Công ty CP Giấy An Hòa: Chủ tịch HĐQT* ✓ *Công ty CP nhiệt điện Thăng Long: Chủ tịch HĐQT* ✓ *Công ty TNHH Một thành viên Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng An Bình: Chủ tịch HĐTV*
Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 30/10/2020):	76.348.246 cổ phần, chiếm 13,36% vốn điều lệ
✓ *Đại diện sở hữu cho Tập đoàn Geleximco – công ty Cổ phần*	74.222.415 cổ phần, chiếm 12,99% vốn điều lệ
✓ *Cá nhân sở hữu:*	2.125.831 *cổ phần, chiếm* 0,37% *vốn điều lệ*

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của ABBANK:

STT	Tên người có liên quan	Số CMND, Ngày cấp, Nơi cấp	Mối quan hệ	Sở hữu cổ phần của người có liên quan	
				Số lượng CP nắm giữ (CP)	Tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ của ABBANK (%)
1	Nguyễn Thị Quỳnh Mai	011757458, 27/4/2007, Hà Nội	Vợ	993.706	0,17
2	Vũ Văn Hậu	012296299, 18/8/2011, Hà Nội	Em ruột	11.373.739	1,99
3	Đỗ Hương Giang	011949446, 04/8/2011, Hà Nội	Em dâu	1.502.038	0,26
4	Đào Mạnh Kháng	034069002308, 15/4/2016, Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	Em rể	4.653.902	0,81
5	Vũ Thị Nhung	034164000026, 04/6/2014, Cục CSĐKQLCT và DLQG về dân cư	Em ruột	177.394	0,03
6	Nguyễn Trường Giang	017068000008, 01/12/2014, Cục CSĐKQLCT và DLQG về dân cư	Em trai vợ	208.245	0,04
7	Tập đoàn Geleximco – công ty Cổ phần	011514947 do Sở KH&ĐT TP Hà Nội cấp, Thay đổi lần thứ 19 ngày 14/06/2019	Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ	74.222.415	12,99
8	Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình	Giấy phép thành lập và hoạt động số 16/UBCK-GPHĐKD do Chủ tịch UBCKNN cấp ngày 29/9/2006	Chủ tịch HĐQT	3.311.903	0,58

Những khoản nợ đối với ABBANK: Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không có

Lợi ích liên quan đối với ABBANK: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với ABBANK: Không có

b. Bà Iris Fang – Thành viên Hội đồng Quản trị

Họ và tên:	**Iris Fang**
Giới tính:	Nữ
Ngày sinh:	06/01/1952
Nơi sinh :	Malaysia
Số CMND:	530756361
Quốc tịch:	USA
Địa chỉ thường trú:	31 Balmoral Park 14-31 Singapore 259858
Trình độ chuyên môn:	Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh, Hoa Kỳ
Quá trình công tác:	
✓ *Từ 1975 đến 1978:*	*Trợ lý Trưởng Phòng Tài chính, Bộ phận Ngân hàng Quốc tế, Tài trợ Xuất khẩu, Tập đoàn American Express, New York, Hoa Kỳ;*
✓ *Từ 1978 đến 1985:*	*Chuyên viên Phân tích Tài chính cao cấp, Phòng Giám sát, Kiểm soát & Nghiên cứu tài chính của Ngân hàng Bank of America, San Francisco, Hoa Kỳ; Trợ lý Phó Chủ tịch nhóm Khách hàng Hàng không của Ngân hàng Bank of America Los Angeles, Hoa Kỳ;*
✓ *Từ 1985 đến 1990:*	*Giám đốc Khối Tài trợ Doanh nghiệp khu vực Bắc Mỹ của Ngân hàng Chase Manhattan, Los Angeles, Hoa Kỳ;*
✓ *Từ 1990 đến 2000*	*Giám đốc Chiến lược Khu vực Châu Á của Ngân hàng Standard Chartered, Trụ sở Châu Á tại Singapore; Giám đốc điều ành Việt Nam của Ngân hàng Standard Chartered Chi nhánh tại Hà Nội; Giám đốc điều hành Khối Tài trợ cấu trúc & Kinh doanh của Ngân hàng Standard Chartered tại Singapore*
✓ *Từ 2000 đến 2005*	*Nghỉ làm việc riêng*

✓ *Từ 2005 đến 2009:*	*Trợ giảng Khóa học Thạc sỹ Điều hành cao cấp – Chiến lược; Cố vấn kỹ thuật môn Sáng tạo liên doanh mới của Trường Đại học RMIT Việt Nam và Trung tâm Đào tạo và Tư vấn nghiệp vụ ngân hàng; tham gia các dự án SECO và các sáng kiến của IFC;*
✓ *Từ 2012 đến 2014*	*Cố vấn về Chiến lược và SME cho các dự án của IFC; Cố vấn dự án về Chiến lược và Quản lý rủi roc ho Cơ quan phát triển Pháp;*
✓ *Từ 2009 đến 2018*	*Thành viên HĐQT độc lập, Thành viên Ban Đầu tư và Thành viên Ủy ban rủi ro và tuân thủ của Công ty Quản lý tài sản Vietnam Holding;*
✓ *Từ 4/2016 đến nay*	*Thành viên Hội đồng Quản trị ABBANK*

Các chức vụ công tác hiện nay:

✓ *Chức vụ đang nắm giữ tại ABBANK:*	*Thành viên Hội đồng Quản trị*
✓ *Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:*	*Không*
Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 30/10/2020):	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
✓ *Đại diện sở hữu*	Không
✓ *Cá nhân sở hữu:*	0 *cổ phần, chiếm* 0% *vốn điều lệ*

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của ABBANK: Không có

Những khoản nợ đối với ABBANK:	Không có
Thù lao và các khoản lợi ích khác:	Không có
Lợi ích liên quan đối với ABBANK:	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với ABBANK:	Không có

c. Ông Soon Su Long – Thành viên Hội đồng Quản trị

Họ và tên:	**Soon Su Long**
Giới tính:	Nam

Ngày sinh:	28/11/1968
Nơi sinh :	Malaysia
Số HC:	A36056248, cấp ngày 21/8/2015, nơi cấp: Kelana Jaya, Malaysia
Quốc tịch:	Malaysian
Địa chỉ thường trú:	Lot 818 Lorong Mat Saman, 31000 Batu Gajah, Perak, Malaysia
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác:	
✓ *Từ tháng 3/2015 đến nay*	*Ngân hàng Maybank*
✓ *Từ tháng 4/2018 đến nay*	*Ngân hàng TMCP An Bình*
Các chức vụ công tác hiện nay:	
✓ *Chức vụ đang nắm giữ tại ABBANK:*	*Thành viên Hội đồng Quản trị*
✓ *Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:*	*Giám đốc Điều hành Maybank Đông Dương và phụ trách các chi nhánh tại Việt Nam của Maybank*
Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 30/10/2020):	57.132.510 cổ phần, chiếm 10% vốn điều lệ
✓ *Đại diện sở hữu cho Malayan Banking Berhad (Maybank)*	57.132.510 cổ phần, chiếm 10% vốn điều lệ
✓ *Cá nhân sở hữu:*	0 *cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ*

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của ABBANK:

STT	Tên người có liên quan	GCNĐKKD	Mối quan hệ	Sở hữu cổ phần của người có liên quan	
				Số lượng CP nắm giữ (CP)	Tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ của ABBANK (%)
1	Malayan Banking Berhad (Maybank)	3813-K	Người đại diện sở hữu	114.265.019	20,00%

Những khoản nợ đối với ABBANK: Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác:	Không có
Lợi ích liên quan đối với ABBANK:	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với ABBANK:	Không có

d. Ông Lưu Văn Sáu – Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập

Họ và tên:	**Lưu Văn Sáu**
Giới tính:	Nam
Ngày sinh:	30/03/1955
Nơi sinh :	Thái Bình
Số CMND:	034055000029, ngày cấp 18/7/2013, nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú & DLQG về dân cư
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	Nhà số 12, Lô III/2, 151A Nguyễn Đức Cảnh, P.Tương Mai, Q.Hoàng Mai, Hà Nội
Trình độ chuyên môn:	Thạc sĩ kinh tế
Quá trình công tác:	
✓ *Từ tháng 10/1998 đến tháng 4/2015*	*Vụ Kinh tế Tổng hợp – Văn phòng chính phủ*
✓ *Từ tháng 5/2015 đến nay*	*Nghỉ hưu và tham gia làm Chuyên gia tư vấn cho Viện Quản trị An Bình*
✓ *Từ tháng 4/2018 đến nay*	*Ngân hàng TMCP An Bình*
Các chức vụ công tác hiện nay:	
✓ *Chức vụ đang nắm giữ tại ABBANK:*	*Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập*
✓ *Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:*	*Không có*
Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 30/10/2020):	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

✓ *Đại diện sở hữu*	Không
✓ *Cá nhân sở hữu:*	0 *cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ*

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của ABBANK: Không có

Những khoản nợ đối với ABBANK:	Không có
Thù lao và các khoản lợi ích khác:	Không có
Lợi ích liên quan đối với ABBANK:	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với ABBANK:	Không có

e. Ông Nguyễn Danh Lương – Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị

Họ và tên:	**Nguyễn Danh Lương**
Giới tính:	Nam
Ngày sinh:	09/10/1957
Nơi sinh :	Hà Nội
Số CMND:	011399725, ngày cấp 28/01/2010, nơi cấp: Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	Số 27 ngõ 2 phố Vương Thừa Vũ, P.Khương Trung, Q.Thanh Xuân, Hà Nội
Trình độ chuyên môn:	Tiến sĩ Kinh tế
Quá trình công tác:	
✓ *Từ năm 1997 đến tháng 10/2017*	*Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam*
✓ *Từ tháng 4/2018 đến nay*	*Ngân hàng TMCP An Bình*

Các chức vụ công tác hiện nay:

✓ *Chức vụ đang nắm giữ tại ABBANK:*	*Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập*
✓ *Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:*	*Phó Chủ tịch HĐTV Công ty Liên doanh TNHH Vietcombank-Bonday-Ben Thanh (VBB)*

Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 30/10/2020):	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
✓ *Đại diện sở hữu*	Không
✓ *Cá nhân sở hữu:*	0 *cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ*

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của ABBANK: Không có

Những khoản nợ đối với ABBANK:	Không có
Thù lao và các khoản lợi ích khác:	Không có
Lợi ích liên quan đối với ABBANK:	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với ABBANK:	Không có

f. Ông Jason Lim Tsu Yang – Thành viên Hội đồng Quản trị

Họ và tên:	**Jason Lim Tsu Yang**
Giới tính:	Nam
Ngày sinh:	07/6/1983
Nơi sinh :	Malaysia
Số HC:	A52840149, cấp ngày 26/3/2019, nơi cấp: UTC Kuala Lumpur, Malaysia
Quốc tịch:	Malaysia
Địa chỉ thường trú:	11, Lorong Burhanuddin Helmi 4, Taman Tun Dr Ismail, Kuala Lumpur, Malaysia
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân toán kinh doanh & thống kê
Quá trình công tác:	
✓ *Từ tháng 9/2013 đến nay*	*Ngân hàng Maybank*
✓ *Từ tháng 6/2020 đến nay*	*Ngân hàng TMCP An Bình*
Các chức vụ công tác hiện nay:	
✓ *Chức vụ đang nắm giữ tại ABBANK:*	*Thành viên Hội đồng Quản trị*

✓ *Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:*	*Trưởng Ban Phát triển Chiến lược và Phát triển Kinh doanh, trực thuộc Ban Chiến lược và Kinh doanh của Tập đoàn Maybank*
Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 30/10/2020):	57.132.509 cổ phần, chiếm 10% vốn điều lệ
✓ *Đại diện sở hữu cho Malayan Banking Berhad (Maybank)*	57.132.509 cổ phần, chiếm 10% vốn điều lệ
✓ *Cá nhân sở hữu:*	0 *cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ*

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của ABBANK:

STT	Tên người có liên quan	GCNĐKKD	Mối quan hệ	Sở hữu cổ phần của người có liên quan	
				Số lượng CP nắm giữ (CP)	Tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ của ABBANK (%)
1	Malayan Banking Berhad (Maybank)	3813-K	Người đại diện sở hữu	114.265.019	20,00%

Những khoản nợ đối với ABBANK:	Không có
Thù lao và các khoản lợi ích khác:	Không có
Lợi ích liên quan đối với ABBANK:	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với ABBANK:	Không có

2 Ban Kiểm soát

2.1 Danh sách thành viên Ban Kiểm soát

Thông tin chi tiết về thành viên Ban Kiểm soát được trình bày dưới đây:

Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ
Bà Nguyễn Thị Hạnh Tâm	1972	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Phạm Thị Hằng	1971	Thành viên Chuyên trách
Bà Nguyễn Thị Thanh Thái	1963	Thành viên

Nguồn: ABBANK

2.2 Sơ yếu lý lịch thành viên Ban Kiểm soát

2.2.1 Trưởng Ban kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Hạnh Tâm – Trưởng Ban Kiểm soát

Họ và tên:	**Nguyễn Thị Hạnh Tâm**
Giới tính:	Nữ
Ngày sinh:	02/02/1972
Nơi sinh :	Hà Nội
Số CMND:	011513292, ngày cấp 11/7/2012, nơi cấp: Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	Số 48 Nguyên Hồng, P.Láng Hạ, Q.Đống Đa, Hà Nội
Trình độ chuyên môn:	Chứng chỉ Kế toán trưởng do Đại học Kinh tế Quốc dân cấp Cử nhân chuyên ngành Kế toán
Quá trình công tác:	
✓ *Từ năm 1993 đến năm 1998*	*Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam*
✓ *Từ năm 1998 đến năm 2008*	*Công ty cho thuê tài chính Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam*
✓ *Từ năm 2008 đến năm 2009*	*Ngân hàng TMCP Bảo Việt*
✓ *Từ năm 2009 đến nay*	*Ngân hàng TMCP An Bình*
Các chức vụ công tác hiện nay:	
✓ *Chức vụ đang nắm giữ tại ABBANK:*	*Trưởng Ban Kiểm soát*
✓ *Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:*	*Không có*
Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 30/10/2020):	13.772 cổ phần, chiếm 0,002% vốn điều lệ
✓ *Đại diện sở hữu*	Không
✓ *Cá nhân sở hữu:*	13.772 *cổ phần, chiếm* 0,002% *vốn điều lệ*

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của ABBANK: Không có

Những khoản nợ đối với ABBANK:	Không có
Thù lao và các khoản lợi ích khác:	Không có
Lợi ích liên quan đối với ABBANK:	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với ABBANK:	Không có

2.2.2 Thành viên – Ban Kiểm soát

a. Bà Phạm Thị Hằng – Thành viên Chuyên trách Ban Kiểm soát

Họ và tên:	**Phạm Thị Hằng**
Giới tính:	Nữ
Ngày sinh:	14/10/1971
Nơi sinh :	Nam Định
Số CMND:	036171002419, ngày cấp 14/3/2017, nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	89 đường số 3, cư xá Đô Thành, P.4, Q.3, TP.HCM
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng - ĐH Kinh tế TP HCM

Quá trình công tác:

✓ *Từ năm 1996 đến năm 2006*	*Ngân hàng Nhà nước Việt Nam*
✓ *Từ năm 2006 đến năm 2012*	*Tổng công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC)*
✓ *Từ năm 2012 đến tháng 4/2016*	*Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (PVCombank)*
✓ *Từ năm 2016 đến nay*	*Ngân hàng TMCP An Bình*

Các chức vụ công tác hiện nay:

✓ *Chức vụ đang nắm giữ tại ABBANK:*	*Thành viên Chuyên trách Ban Kiểm soát – Ngân hàng TMCP An Bình*

✓ *Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:*	*Không có*
Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 30/10/2020):	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
✓ *Đại diện sở hữu*	*Không*
✓ *Cá nhân sở hữu:*	0 *cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ*

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của ABBANK: Không có

Những khoản nợ đối với ABBANK:	Không có
Thù lao và các khoản lợi ích khác:	Không có
Lợi ích liên quan đối với ABBANK:	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với ABBANK:	Không có

b. Bà Nguyễn Thị Thanh Thái – Thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên:	**Nguyễn Thị Thanh Thái**
Giới tính:	Nữ
Ngày sinh:	06/01/1963
Nơi sinh :	Hà Nội
Số CMND:	010363203, ngày cấp 27/10/2010, nơi cấp: Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	Ô 22, khu 45 căn hộ, khu 7,2ha, phường Vĩnh Phúc, Ba Đình, Hà Nội
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Tín dụng Học viện Ngân hàng
Quá trình công tác:	
✓ *Từ năm 1999 đến năm 2014*	*Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam*
✓ *Từ năm 2016 đến nay*	*Ngân hàng TMCP An Bình*
Các chức vụ công tác hiện nay:	

✓ *Chức vụ đang nắm giữ tại ABBANK:*	*Thành viên Ban Kiểm soát – Ngân hàng TMCP An Bình*
✓ *Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:*	*Không có*
Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 30/10/2020):	13.863 cổ phần, chiếm 0,002% vốn điều lệ
✓ *Đại diện sở hữu*	Không
✓ *Cá nhân sở hữu:*	13.863 *cổ phần, chiếm* 0,002% *vốn điều lệ*

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của ABBANK: Không có

Những khoản nợ đối với ABBANK:	Không có
Thù lao và các khoản lợi ích khác:	Không có
Lợi ích liên quan đối với ABBANK:	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với ABBANK:	Không có

3 Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

3.1 Tổng Giám đốc

Họ và tên:	**Ông Lê Hải**
Giới tính:	Nam
Ngày sinh:	26/05/1976
Nơi sinh :	Hà Nội
Số CMND:	001076009245, ngày cấp 01/03/2016, nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	Số 9 - Ngách 19/2 Phố Liễu Giai - Phường Liễu Giai - Ba Đình - Hà Nội
Trình độ chuyên môn:	Tiến sĩ Tài chính – Ngân hàng
Quá trình công tác:	

✓ *Từ 12/1998 – 12/2003*	*Chuyên viên QHKH - Ngân hàng TMCP Quân đội*
✓ *Từ 01/2004 - 05/2006*	*Trưởng phòng - Ngân hàng TMCP Quân đội*
✓ *Từ 06/2006 - 09/2011*	*Giám đốc chi nhánh - Ngân hàng TMCP Quân đội*
✓ *Từ 10/2011 - 31/07/2013*	*Giám đốc Khối - Ngân hàng TMCP Quân đội*
✓ *Từ 08/2013 - 30/03/2020*	*Phó Tổng Giám đốc - Ngân hàng TMCP Quân đội*
✓ *Từ 04/2020 – 9/2020*	*Quyền Tổng Giám đốc - Ngân hàng TMCP An Bình*
✓ *Từ 9/2020 đến nay*	*Tổng giám đốc - Ngân hàng TMCP An Bình*

Các chức vụ công tác hiện nay:

✓ *Chức vụ đang nắm giữ tại ABBANK:*	*Tổng Giám đốc*
✓ *Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:*	*Không*
Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 30/10/2020):	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
✓ *Đại diện sở hữu*	*Không*
✓ *Cá nhân sở hữu:*	0 *cổ phần, chiếm* 0% *vốn điều lệ*

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của ABBANK: Không có

Những khoản nợ đối với ABBANK:	Không có
Thù lao và các khoản lợi ích khác:	Không có
Lợi ích liên quan đối với ABBANK:	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với ABBANK:	Không có

3.2 Phó Tổng Giám đốc

a. Ông Nguyễn Mạnh Quân – Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên:	**Ông Nguyễn Mạnh Quân**
Giới tính:	Nam
Ngày sinh:	02/04/1973
Nơi sinh :	Hà Nội
Số CMND:	011691034, ngày cấp 16/08/2007, nơi cấp: Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	35 Nguyễn Văn Tráng, Quận 1, Tp. HCM
Trình độ chuyên môn:	Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh Cử nhân Tài chính Kế toán, Cử nhân Ngoại ngữ
Quá trình công tác:	
✓ *Từ 06/2015 – 1/2018*	*Phó Tổng Giám đốc – Ngân hàng TMCP An Bình*
✓ *Từ 01/2018 - 05/2018*	*Quyền Tổng Giám đốc – Ngân hàng TMCP An Bình*
✓ *Từ 05/2018 - nay*	*Phó Tổng Giám đốc – Ngân hàng TMCP An Bình*
Các chức vụ công tác hiện nay:	
✓ *Chức vụ đang nắm giữ tại ABBANK:*	*Phó Tổng Giám đốc*
✓ *Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:*	Không
Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 30/10/2020):	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
✓ *Đại diện sở hữu*	Không
✓ *Cá nhân sở hữu:*	0 *cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ*

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của ABBANK: Không có

Những khoản nợ đối với ABBANK: Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác:	Không có
Lợi ích liên quan đối với ABBANK:	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với ABBANK:	Không có

b. Bà Phạm Thị Hiền – Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên:	**Bà Phạm Thị Hiền**
Giới tính:	Nữ
Ngày sinh:	25/01/1973
Nơi sinh :	Thanh Hóa
Số CMND:	011763565, ngày cấp 16/10/2007, nơi cấp:Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	P0612A Tòa nhà R2 Royal City, 72A Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Tp. Hà Nội
Trình độ chuyên môn:	Thạc sĩ Kinh tế Ngân hàng và Tài chính Cử nhân tín dụng
Quá trình công tác:	
✓ *Từ 11/1993 – 1/2006*	*Cán bộ phòng Thanh toán xuất khẩu và Tổng hợp thanh toán – Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam*
✓ *Từ 01/2006 - 09/2007*	*Kiểm soát viên - Công ty tài chính Việt Nam tại Hong Kong*
✓ *Từ 10/2007 - 10/2009*	*Trưởng nhóm PTKD - Ngân hàng HSBC Việt Nam chi nhánh Hà Nội*
✓ *Từ 10/2009 – 03/2011*	*Trưởng phòng TT TTQT và tài trợ chuỗi cung ứng – Ngân hàng HSBC Việt Nam chi nhánh HN*
✓ *Từ 03/2011 – nay*	*Phó Tổng Giám đốc – Ngân hàng TMCP An Bình*

Các chức vụ công tác hiện nay:

✓ *Chức vụ đang nắm giữ tại ABBANK:*	*Phó Tổng Giám Đốc*
✓ *Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:*	Không
Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 30/10/2020):	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
✓ *Đại diện sở hữu*	Không
✓ *Cá nhân sở hữu:*	0 *cổ phần, chiếm* 0% *vốn điều lệ*

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của ABBANK:

✓ Nguyễn Mai Lan (con gái)	18.258 *cổ phần, chiếm* 0,003% *vốn điều lệ*
Những khoản nợ đối với ABBANK:	Không có
Thù lao và các khoản lợi ích khác:	Không có
Lợi ích liên quan đối với ABBANK:	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với ABBANK:	Không có

c. Bà Nguyễn Thị Hương – Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên:	**Bà Nguyễn Thị Hương**
Giới tính:	Nữ
Ngày sinh:	03/08/1973
Nơi sinh :	Hải Dương
Số CMND:	030173000002, ngày cấp 29/03/2013, nơi cấp: Cục Cảnh sát đăng ký quản lý cư trú và DLQG về dân cư
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh

Địa chỉ thường trú:	Số 12A, tổ 10B, Phường Thịnh Quang, Đống Đa, Hà Nội
Trình độ chuyên môn:	Thạc sĩ Kinh tế Phát triển Cử nhân Kinh doanh Thương mại
Quá trình công tác:	
✓ *Từ 9/1994 - 7/1997*	*Chuyên viên - Hội đồng thanh toán Ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước*
✓ *Từ 7/1997 - 5/2001*	*Chuyên viên - Vụ Chính sách tiền tệ, Ngân hàng Nhà nước*
✓ *Từ 5/2001 - 10/2007*	*Phó trưởng Phòng - Vụ Chính sách tiền tệ, Ngân hàng Nhà nước*
✓ *Từ 07/2007 - 03/2011*	*Phó Giám đốc Khối KDTT & Ngoại hối tại ABBANK*
✓ *Từ 03/2011 – 01/2016*	*Giám đốc Khối Nguồn vốn và Đầu tư tại ABBANK*
✓ *Từ 01/2016 – 07/2019*	*Phó Tổng Giám đốc (kiêm Giám đốc Khối Nguồn vốn và Đầu tư) tại ABBANK*
✓ *Từ 07/2019 – nay*	*Phó Tổng Giám đốc (kiêm nhiệm Giám đốc Khối Tổng hợp) tại ABBANK*
Các chức vụ công tác hiện nay:	
✓ *Chức vụ đang nắm giữ tại ABBANK:*	*Phó Tổng Giám đốc*
✓ *Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:*	✓ Công ty TNHH một thành viên quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP An Bình: Công ty là công ty con của ABBANK, bà Nguyễn Thị Hương là đại diện phần vốn góp và tham gia thành viên HĐTV; ✓ Công ty cổ phần EVN Quốc tế: Bà Nguyễn Thị Hương được cử là người đại diện phần vốn góp của ABBANK tại công ty và tham gia thành viên Hội đồng quản trị của công ty; ✓ Công ty cổ phần đầu tư điện lực 3: Bà Nguyễn

	Thị Hương được cử là người đại diện phần vốn góp của ABBANK tại công ty và tham gia thành viên Hội đồng quản trị của công ty; ✓ Công ty cổ phần Thông tin tín dụng Việt Nam: Bà Nguyễn Thị Hương được cử là người đại diện phần vốn góp của ABBANK tại công ty và tham gia thành viên Ban kiểm soát của công ty.
Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 30/10/2020):	24.336 cổ phần, chiếm 0,004% vốn điều lệ
✓ *Đại diện sở hữu*	Không
✓ *Cá nhân sở hữu:*	24.336 *cổ phần, chiếm* 0,004*% vốn điều lệ*

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của ABBANK: Không có

Những khoản nợ đối với ABBANK:	Không có
Thù lao và các khoản lợi ích khác:	Không có
Lợi ích liên quan đối với ABBANK:	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với ABBANK:	Không có

d. Ông Đỗ Lam Điền – Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên:	**Ông Đỗ Lam Điền**
Giới tính:	Nam
Ngày sinh:	10/04/1973
Nơi sinh :	Kiên Giang
Số CMND:	091073000085, ngày cấp 21/11/2019, nơi cấp: Phòng cảnh sát QLHC về TTXH – CA.TP.HCM.
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	Số 25 đường 12A, khu đô thị Lakeview, phường An Phú, quận 2, TP HCM
Trình độ chuyên môn:	Thạc sĩ Kinh tế Tài chính

	Cử nhân Tài chính Tín dụng Cử nhân Ngữ Văn Anh

Quá trình công tác:

✓ Từ 1/1996 - 1/2001	Trưởng phòng giao dịch – Ngân hàng Techcombank HCM
✓ Từ 1/1996 - 1/2001	Trưởng phòng Tín dụng - Kế hoạch - Ngân hàng Ngoại thương HCM
✓ Từ 1/2006 - 1/2010	Giám đốc chi nhánh - Ngân hàng TMCP Á Châu
✓ Từ 1/2010 - 1/2012	Phó TGĐ Ngân hàng DN - Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam
✓ Từ 1/2012 - 5/2015	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ thường trực - Ngân hàng Phát triển Mekong (MDB)
✓ Từ 5/2015 - 4/2016	Thành viên HĐQT – Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam
✓ Từ 4/2016 - 3/2017	Giám đốc khối Ngân hàng DN – Ngân hàng TMCP SHB
✓ Từ 08/2017 - nay	Phó Tổng Giám đốc – ABBANK

Các chức vụ công tác hiện nay:

✓ Chức vụ đang nắm giữ tại ABBANK:	*Phó Tổng Giám đốc*
✓ Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không
Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 30/10/2020):	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
✓ Đại diện sở hữu	*Không*
✓ Cá nhân sở hữu:	*0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ*

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của ABBANK: Không

Những khoản nợ đối với ABBANK: Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác:	Không có
Lợi ích liên quan đối với ABBANK:	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với ABBANK:	Không có

e. Ông Lại Tất Hà – Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên:	**Ông Lại Tất Hà**
Giới tính:	Nam
Ngày sinh:	21/11/1978
Nơi sinh :	Hạ Long – Quảng Ninh
Số CMND:	022078001546, ngày cấp 20/7/2017, nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	R112A25 Royal City, 72A Nguyễn Trãi, Hà Nội
Trình độ chuyên môn:	Thạc sĩ Tài chính
Quá trình công tác:	
✓ Từ 01/2011 - 01/2015	Giám đốc Trung tâm Ngoại hối và hàng hóa – Ngân hàng Techcombank
✓ Từ 01/2015 - 01/2017	Giám đốc Trung tâm kinh doanh và sản phẩm cấu trúc – Ngân hàng Techcombank
✓ Từ 01/2017 - 07/2019	Giám đốc Khối Nguồn vốn và Thị trường Tài chính - Ngân hàng SeABank
✓ Từ 07/2019 - 10/2019	Giám đốc Khối Nguồn vốn và Kinh doanh tiền tệ - Khối Nguồn vốn và kinh doanh tiền tệ - Hội Sở Hà Nội
✓ Từ 10/2019 – nay	Phó Tổng Giám đốc - ABBANK
Các chức vụ công tác hiện nay:	

✓ Chức vụ đang nắm giữ tại ABBANK:	Phó Tổng Giám đốc
✓ Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không
Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 30/10/2020):	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
✓ Đại diện sở hữu	Không
✓ Cá nhân sở hữu:	*0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ*

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của ABBANK: Không có

Những khoản nợ đối với ABBANK:	Không có
Thù lao và các khoản lợi ích khác:	Không có
Lợi ích liên quan đối với ABBANK:	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với ABBANK:	Không có

3.3 Kế toán trưởng

Ông Bùi Quốc Việt – Kế toán trưởng

Họ và tên:	**Ông Bùi Quốc Việt**
Giới tính:	Nam
Ngày sinh:	13/06/1975
Nơi sinh :	Tp.HCM
Số CMND:	022828404, ngày cấp 18/10/2018, nơi cấp: Cục Cảnh sát đăng ký quản lý cư trú và DLQG về dân cư
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	04C đường Trường Sơn, Phường 15, Quận 10, TP.HCM
Trình độ chuyên môn:	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

	Cử nhân Tài chính doanh nghiệp
Quá trình công tác:	
✓ Từ 11/1997 – 3/1998	Kế toán tổng hợp Công ty Điện lực miền Nam
✓ 4/1998 – 10/2002	Kế toán tổng hợp Điện lực Bình Phú – Công ty điện lực Tp. HCM
✓ 10/2002 – 8/2007	Tổ trưởng tổ kiểm tra – phòng Tài chính kế toán Công ty Điện lực Tp. HCM
✓ 01/9/2007 - 31/12/2010	Trưởng Phòng kế toán - Khối Tài chính Kế toán ABBANK
✓ 01/01/2011 - 21/11/2012	Giám đốc Khối Tài chính kế toán kiêm Kế toán trưởng ABBANK
✓ 22/11/2012 - 30/9/2015	Giám đốc Khối Dịch vụ hỗ trợ kiêm Kế toán trưởng ABBANK
✓ 01/10/2015 - 28/6/2020	Giám đốc khối Tài chính kế toán kiêm Kế toán trưởng ABBANK:
✓ 29/6/2020 đến nay	Giám đốc Khối Kế toán kiêm Kế toán trưởng ABBANK
Các chức vụ công tác hiện nay:	
✓ *Chức vụ đang nắm giữ tại ABBANK:*	*Kế toán trưởng*
✓ *Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:*	*Không có*
Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 30/10/2020):	40.268 cổ phần, chiếm 0,007% vốn điều lệ
✓ *Đại diện sở hữu*	Không
✓ *Cá nhân sở hữu:*	*40.268 cổ phần, chiếm 0,007% vốn điều lệ*
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của ABBANK: Không có	
Những khoản nợ đối với ABBANK:	Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác:	Không có
Lợi ích liên quan đối với ABBANK:	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với ABBANK:	Không có

4 Kế hoạch tăng cường quản trị Ngân hàng

Trong thời gian sớm nhất ABBANK cam kết sẽ thông báo và phối hợp đôn đốc ông Vũ Văn Tiền – Phó Chủ tịch HĐQT thực hiện quy định "không được đồng thời là thành viên hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác" đối với thành viên Hội đồng quản trị tại điểm 3, điều 12, Nghị định 71/ 2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng.

ABBANK cam kết tuân thủ quy định về quản trị công ty theo quy định của pháp luật và thông lệ và tiêu chuẩn quản trị tốt của thế giới. Bên cạnh đó, ABBANK sẽ tiếp tục tăng cường công tác quản lý, giám sát, chỉ đạo các hoạt động của Ban Điều hành và bộ máy tổ chức của Ngân hàng, bảo đảm tuân thủ pháp luật và thực thi các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị.

Trong thời gian tới, bên cạnh việc thúc đẩy và nâng cao hiệu quả kinh doanh, Ngân hàng tiếp tục tăng cường hơn nữa công tác quản trị, Ngân hàng sẽ sẽ liên tục rà soát hệ thống quy chế, quy trình, tiếp tục nâng cao năng lực quản trị hệ thống và chất lượng của công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ, cơ chế phân cấp, phân quyền và giám sát từ Hội đồng Quản trị đến Ban Điều hành và các Đơn vị, cá nhân liên quan bảo đảm Ngân hàng luôn hoạt động hiệu quả, an toàn, ổn định và được quản trị tốt.

III. PHỤ LỤC

- Giấy đăng ký kinh doanh mới nhất và các lần thay đổi
- Báo cáo tài chính kiểm toán riêng và hợp nhất năm 2019;
- Báo cáo tài chính toán riêng và hợp nhất Quý III/2020
- Các tài liệu có liên quan khác

Hà Nội, ngày 18 tháng 12 năm 2020

TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

NGÂN HÀNG TMCP AN BÌNH

CHỦ TỊCH HĐQT	**TỔNG GIÁM ĐỐC**
ĐÀO MẠNH KHÁNG	**LÊ HẢI**
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT	**KẾ TOÁN TRƯỞNG**
NGUYỄN THỊ HẠNH TÂM	**BÙI QUỐC VIỆT**

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

TỔNG GIÁM ĐỐC

TÔ HẢI